

CTCP DƯỢC PHẨM TIPHARCO

Địa chỉ: Số 15 đường Đốc Binh Kiều, Phường 2, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

www.tipharco.com.vn



2016

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO

THÔNG DIỆP CỦA

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý vị cổ đông, Quý khách hàng, Đối tác và toàn thể Cán bộ nhân viên của Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco.

Tình hình kinh tế Việt Nam năm qua được đánh giá là vẫn duy trì được sự ổn định, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2016 đạt mức 6,21%, tuy không đạt được mục tiêu đã đề ra nhưng so với tình hình chung của các quốc gia trên thế giới khi vẫn còn nhiều biến động về kinh tế lẫn chính trị, thì kết quả này được xem là một thành công đáng được ghi nhận. Những năm gần đây, ngành dược tại Việt Nam có tốc độ tăng trưởng khá tốt khi mức tăng trưởng trung bình giai đoạn 2010 – 2015 luôn đạt xấp xỉ 17%. Trong thời gian tới, ngành này được kỳ vọng sẽ tiếp tục giữ vững được sự phát triển ổn định.

Năm 2016, Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco tiếp tục duy trì vị thế là một trong những doanh nghiệp dược có thành tích hoạt động nổi bật tại khu vực Tiền Giang và Miền Tây, đặc biệt hơn trong năm qua Công ty đã được bình chọn là Doanh nghiệp thuộc Top 100 Doanh nghiệp phát triển bền vững 2016 và cổ phiếu của DTG chính thức được giao dịch trên sàn UPCOM. Nhìn lại một năm hoạt động, kết quả về lợi nhuận sau thuế đã cho thấy sự tăng trưởng đáng kể so với năm 2015, công ty đã hoàn thành tốt vượt mức kế hoạch đã đề ra đến hơn 50%, đạt mức 8,65 tỷ đồng. Để có được kết quả tích cực này, Ban lãnh đạo và toàn thể công nhân viên của Tipharco đã thực sự rất nỗ lực trong công tác thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao phó. Về công tác đầu tư, trong năm để nâng cao năng lực sản xuất Tipharco có gia tăng đầu tư thêm về máy móc, thiết bị sản xuất, thiết bị kiểm tra chất lượng. Bên cạnh đó, dự án xây dựng Nhà máy sản xuất thuốc từ dược liệu dự kiến sẽ đưa vào hoạt động trong quý III năm 2017. Hy vọng rằng với những chiến lược hợp lý cùng sự quyết tâm, đồng thuận giữa Lãnh đạo và cán bộ nhân viên, Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco sẽ tiếp tục chinh phục được những cột mốc cao hơn nữa trong quá trình hoạt động của mình.

Kính thưa quý vị

Để tiếp tục tăng trưởng, phát triển bền vững và đảm bảo vị thế của công ty trong ngành, Tipharco đã có những kế hoạch, chiến lược trung và dài hạn. Theo đó, năm 2017, Hội đồng Quản trị đề ra kế hoạch tổng doanh thu đạt 350 tỷ đồng tăng 6,06% so với mức thực hiện 2016. Lợi nhuận trước thuế 11 tỷ, qua đó cũng dự kiến tỷ lệ chi trả cổ tức năm sau là 16%/mệnh giá.

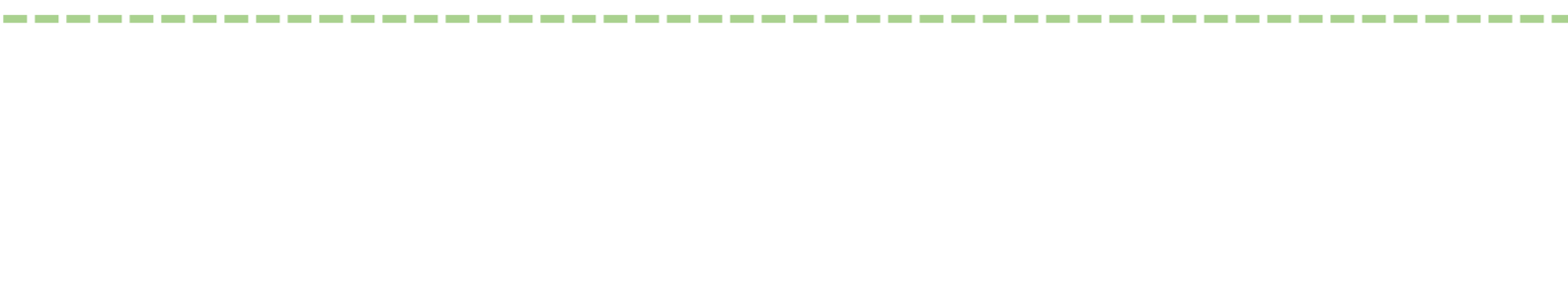
Với bề dày kinh nghiệm hơn 40 năm hình thành và phát triển, để có được thành quả như ngày hôm nay, ngoài sự cố gắng, nỗ lực và sự sáng suốt, linh hoạt của tập thể Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám Đốc, người lao động, Tipharco còn nhận được sự hỗ trợ chỉ đạo kịp thời của tỉnh nhà, các Cơ quan Ban ngành trong tỉnh Tiền Giang. Công ty rất biết ơn sự quan tâm của các cổ đông, sự tin nhiệm của người tiêu dùng, sự quan tâm của các cơ quan truyền thông đại chúng đã góp phần nâng cao vị thế và giá trị thương hiệu của Tipharco trong suốt thời gian qua.

Trân trọng!

Chủ tịch Hội đồng quản trị



DS. PHẠM QUANG BÌNH



MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG	1
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	17
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	25
BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	37
BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	45
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	49
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM	55



THÔNG TIN CHUNG

- ✓ Thông tin khái quát
- ✓ Quá trình hình thành và phát triển
- ✓ Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- ✓ Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức
- ✓ Định hướng phát triển
- ✓ Rủi ro

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO
Tên giao dịch:	TIPHARCO PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	TIPHARCO
Giấy CNĐKDN số:	1200100557 (Số cũ 5303000050) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 28/02/2006, đăng ký thay đổi lần 13 ngày 09/12/2016.
Vốn điều lệ:	33.982.500.000 VNĐ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	33.982.500.000 VNĐ
Địa chỉ:	Số 15 đường Đốc Binh Kiều, Phường 2, Tp. Mỹ Tho, Tiền Giang
Số điện thoại:	0733.871.817 / 0733.872.973
Số fax:	0733.883.740
Website:	www.tipharco.com.vn
Email:	tipharco@vnn.vn
Mã cổ phiếu:	DTG





**Năm
1976**

Công ty được thành lập và có tên là: Công ty Dược phẩm Tiền Giang có chức năng sản xuất, kinh doanh và phân phối thuốc đến các công ty cấp III Huyện, thị trực thuộc.

**Năm
1977**

Tách sản xuất và kinh doanh, thành lập hai đơn vị là Xí nghiệp Dược Phẩm Tiền Giang có chức năng sản xuất và nuôi trồng dược liệu, và Công ty Dược phẩm cấp II có chức năng phân phối thuốc.

**Năm
1983**

Sáp nhập Xí nghiệp Dược Phẩm thành Xí nghiệp Liên Hợp Dược Tiền Giang.

**Năm
1992**

Thành lập doanh nghiệp nhà nước đổi tên là Công ty Dược và Vật tư y tế Tiền Giang.



**Năm
2006**

**Năm
2013**

**Năm
2014**

**Năm
2015**

**Năm
2016**

Chuyển sang công ty cổ phần đổi tên là Công ty CP Dược Phẩm Tipharco.

Doanh số trúng thầu tăng trưởng mạnh phủ khắp các tỉnh Miền Tây và TP.HCM.

Trúng thầu vào khối điều trị trên 50 sản phẩm với giá trị trên 102 tỷ đồng, góp phần hoàn thành vượt mức kế hoạch 2014

Hoàn thành việc xây dựng dự án nhà máy sản xuất thuốc dược liệu và chính thức khởi công vào ngày 5/3/2016.

Công ty được Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch chứng khoán. Cổ phiếu DTG chính thức được giao dịch trên sàn UPCoM vào ngày 28/02/2017.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH



Ngành nghề kinh doanh

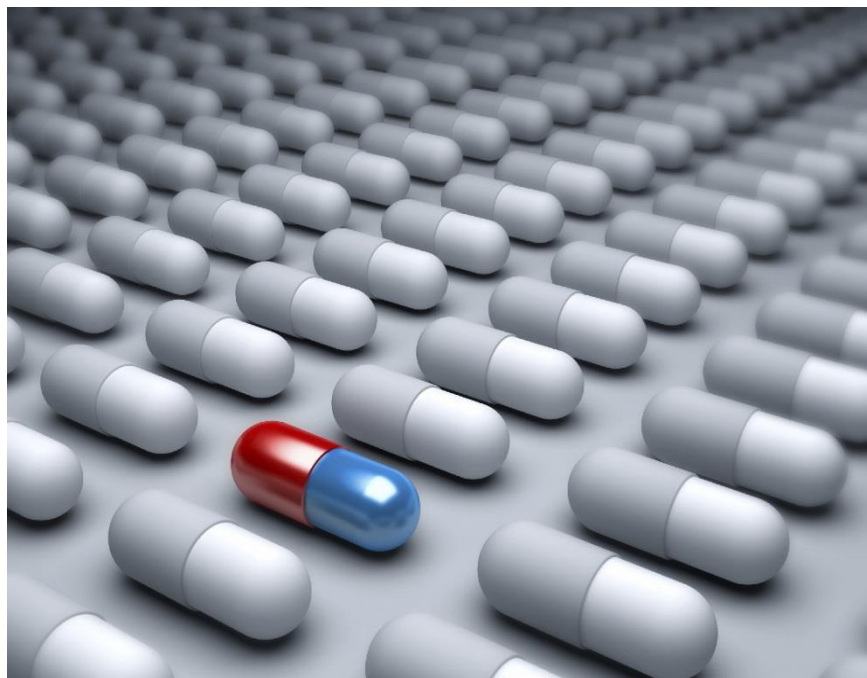
Hiện nay Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco (DTG) đang hoạt động trong các lĩnh vực chính như sau:

- Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu. Chi tiết: Sản xuất dược phẩm và vật tư y tế;
- Sản xuất thực phẩm bổ sung, vắc xin, sinh phẩm, mỹ phẩm, chế phẩm, bao bì. Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu thực phẩm bổ sung, vắc xin, sinh phẩm, chế phẩm, bao bì. Gia công, nhượng quyền, đại lý trong sản xuất kinh doanh dược phẩm, vật tư y tế, thực phẩm bổ sung, vắc xin, sinh phẩm, mỹ phẩm, chế phẩm, nguyên liệu, hóa chất, bao bì, thiết bị sản xuất kinh doanh thuộc ngành y tế. Sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu thực phẩm chức năng;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh. Chi tiết: Sản xuất mỹ phẩm;
- Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh. Chi tiết: Sản xuất các loại rượu thuốc đóng chai các dạng;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất các loại sirô giải khát. Sản xuất nước tinh khiết đóng chai, đóng bình các dạng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu hóa chất;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh thuốc Tây các loại;
- Bán buôn đồ uống. Chi tiết: Kinh doanh nước tinh khiết đóng chai, đóng bình các dạng. Kinh doanh các loại sirô giải khát. Kinh doanh các loại rượu thuốc đóng chai các dạng;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu dược phẩm và vật tư y tế, thiết bị sản xuất kinh doanh thuộc ngành y tế. Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu mỹ phẩm.



Địa bàn kinh doanh

Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco có địa bàn hoạt động kinh doanh chủ yếu tại Tỉnh Tiền Giang, TP.HCM, các tỉnh Miền Tây. Bên cạnh đó, Công ty luôn chú trọng việc củng cố thị trường kinh doanh truyền thống và từng bước đã mở rộng thị trường mới ở các khu vực Miền Đông, Tây Nguyên, Miền Trung và miền Bắc. Ngoài ra, thông qua hệ thống các công ty cùng ngành để phát triển bán hàng OTC và đấu thầu, ủy quyền cho đấu thầu vào khối điều trị đạt kết quả cao.



CÁC THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC



**TIPHARCO LÀ
DOANH NGHIỆP
THUỘC TOP 100
DOANH NGHIỆP
PHÁT TRIỂN BỀN
VỮNG NĂM 2016.**

Giải thưởng chất lượng

- Cúp vàng thương hiệu an toàn vì sức khỏe cộng đồng 2007;
- Cúp vàng Thương Hiệu Việt 2007;
- Cúp vàng chất lượng hội nhập 2007;
- Top 500 Thương hiệu nổi tiếng 2007;
- Cúp vàng Thương hiệu Việt chất lượng hội nhập WTO 2010;
- Cúp vàng Topten thương hiệu Việt ứng dụng Khoa Học – Kỹ Thuật 2011;
- Chứng nhận thương hiệu cạnh tranh của cục sở hữu trí tuệ 2011;
- Cúp vàng sở hữu trí tuệ Việt nam 2011;
- Giải bạc chất lượng Việt Nam 2011, 2012;
- Thương hiệu Việt uy tín 2012, 2013, 2014, 2015; 2016;
- Được bình chọn: Doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả Đồng bằng Sông Cửu Long;
- Doanh nghiệp tin cậy vì người tiêu dùng năm 2013;
- Sản phẩm Tiphacetam đạt: "Chứng nhận hàng Việt tốt - Dịch vụ hoàn hảo năm 2014";
- Sản phẩm Cefuroxim 500 đạt : " Danh hiệu Ngôi sao Thuốc Việt năm 2014".
- Doanh nghiệp thuộc top 100 doanh nghiệp phát triển bền vững năm 2016.

Danh hiệu khen thưởng

- Đơn vị anh hùng lao động thời kỳ đổi mới 2005;
- Huân chương lao động hạng 01, 02, 03;
- Huân chương độc lập hạng 02, 03;
- Huân chương chiến công hạng 02, 03.

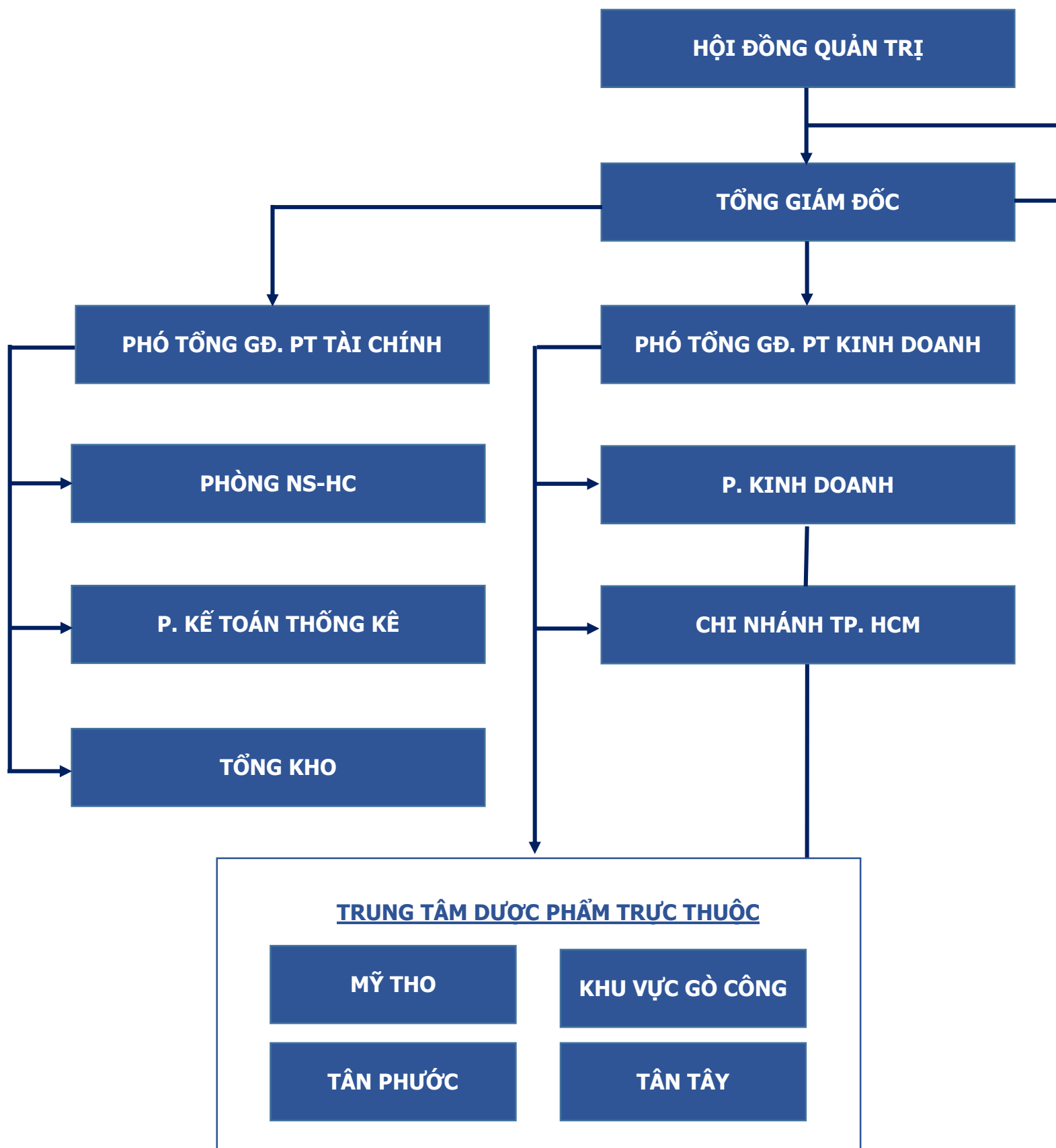


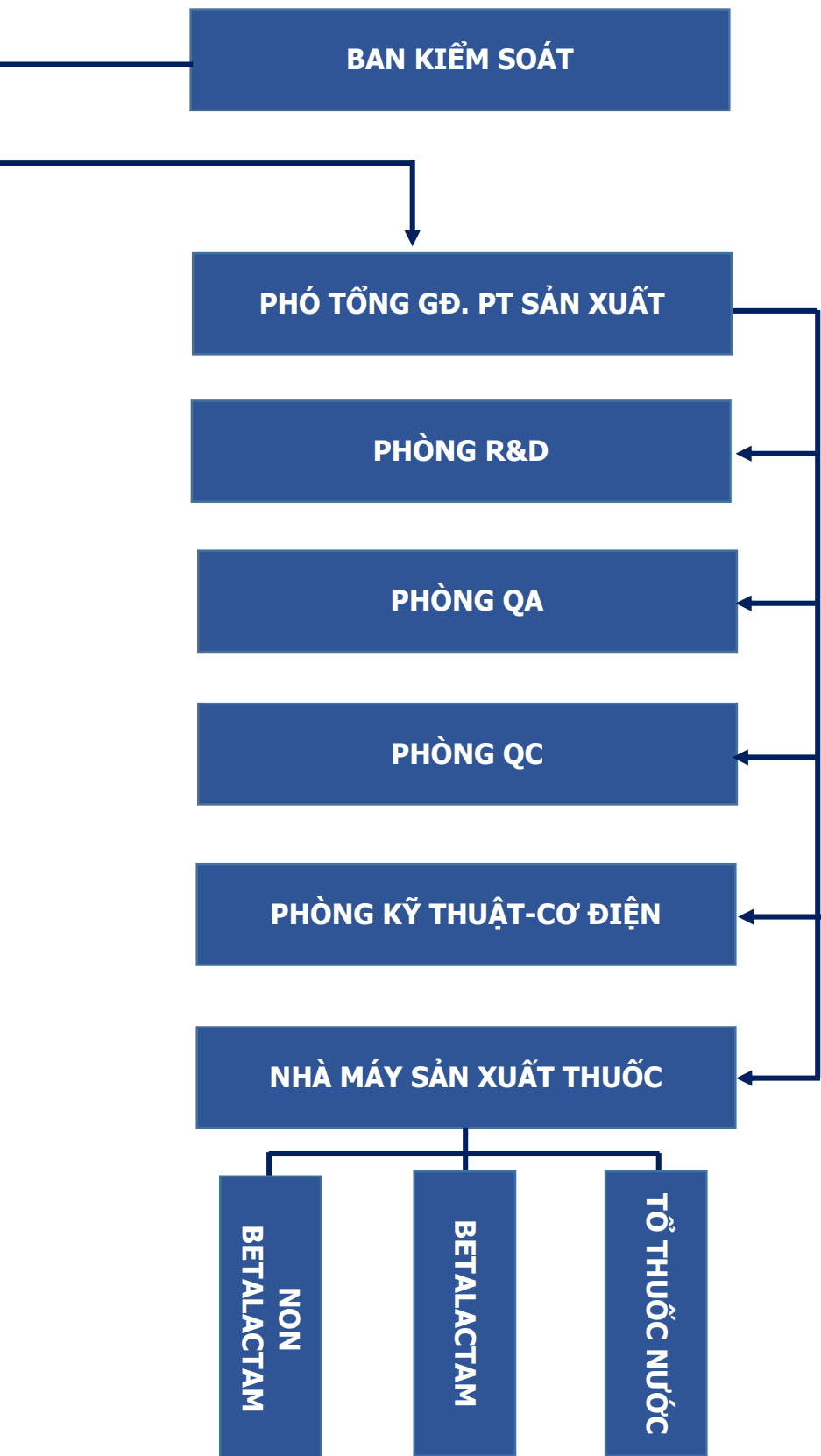
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO

Chất Lượng Toàn Diện

Vì Sức Khỏe Cộng Đồng







ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Củng cố thị trường truyền thống và mở rộng thị trường mới ở khắp các khu vực trong cả nước. Công ty trực tiếp tham gia đấu thầu hoặc cho các Công ty đấu thầu vào khối điều trị để bán hàng công ty sản xuất, tạo công việc ổn định cho người lao động. Giữ vững uy tín Công ty trên thị trường.

Đa dạng các sản phẩm, dịch vụ đáp ứng tốt các nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng. Tối đa hóa lợi nhuận và mang lại lợi ích thiết thực cho các cổ đông.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Sẽ phủ kín thị trường cả nước trước mắt lĩnh vực hàng thầu, tiếp theo là lĩnh vực OTC. Phát triển danh mục sản phẩm dựa theo danh mục thuốc sử dụng cho bệnh viện tập trung nhóm hàng đặc trị có thể thay thế sản phẩm ngoại nhập. Xây dựng xưởng sản xuất thuốc từ dược liệu.

Các mục tiêu đối với môi trường và xã hội.

Với mục tiêu hoạt động là phát triển Công ty luôn gắn liền tinh thần trách nhiệm với môi trường, xã hội, quan tâm đến lợi ích cộng đồng. Tipharco luôn ý thức được vai trò và nghĩa vụ của mình, sau đây là các mục tiêu cụ thể của công ty đối với môi trường và xã hội:

➤ **Đối với môi trường**

Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn chú trọng đến chất lượng sản phẩm sao cho đạt các tiêu chuẩn theo quy định. Đồng thời, Tipharco cũng tự ý thức về việc khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên hợp lý nhằm bảo vệ, phục hồi, giữ cân bằng môi trường sinh thái. Công ty cũng có biện pháp hạn chế các tác nhân gây ô nhiễm môi trường phát sinh từ các hoạt động sản xuất, chế biến sản phẩm tại các nhà máy.

➤ **Đối với xã hội, cộng đồng**

- Đảm bảo chất lượng sản phẩm luôn trong tình trạng ổn định, đạt tiêu chuẩn cho các đại lý phân phối và người tiêu dùng;
- Nâng cao tinh thần tương thân, tương ái qua các hoạt động từ thiện, quyên góp hỗ trợ các đối tượng khó khăn, chăm lo tốt đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, đảm bảo công việc và thu nhập ổn định cho cán bộ công nhân viên của Công ty.



CÁC RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Những năm gần đây kinh tế Việt Nam có tốc độ phát triển khá tốt. Năm 2016 kinh tế vĩ mô Việt Nam cơ bản ổn định, các cân đối lớn cơ bản được bảo đảm, GDP tăng 6,21%, được đánh giá là mức cao. Đây là lần đầu tiên tăng trưởng kinh tế Việt Nam tăng cao nhưng không thuộc vào tài nguyên thiên nhiên, là cơ sở quan trọng cho quá trình tái cơ cấu kinh tế cũng như đổi mới nguồn tăng trưởng trong thời gian tới.

Một điểm sáng mới trong nền kinh tế khi năm 2016 đạt kỉ lục với mốc 110.000 doanh nghiệp thành lập, điều này có thể được lý giải bởi môi trường kinh doanh trong những năm qua đã xuất hiện nhiều điều kiện thuận lợi chính vì thế hoạt động giao thương được phục hồi và củng cố phát triển. Năm qua cũng là năm được xem là thành công trong việc kiểm soát lạm phát, trong bối cảnh Chính phủ điều chỉnh tăng giá dịch vụ y tế, giáo dục và giá xăng dầu tăng giảm thất thường thì việc giữ được lạm phát ở mức dưới 5% là rất đáng mừng.

Ngành dược với nhiều thách thức cũng chịu chung rủi ro kinh tế. Tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, thu nhập bình quân đầu người cũng như giá cả một số mặt hàng có ảnh hưởng đến toàn bộ hoạt động của nền kinh tế nói chung và Tipharco nói riêng.



Rủi ro đặc thù

Dược phẩm là một loại hàng hóa đặc biệt liên quan đến sức khỏe và sự an toàn của con người. Chi phí đầu tư, thời gian, công sức nghiên cứu, phát triển sản phẩm cũng như việc xâm nhập thị trường của ngành dược là khá cao so với các ngành công nghiệp khác, trong khi đó tỷ lệ thành công của các thử nghiệm sản phẩm mới lại rất thấp.

Bên cạnh đó, thuốc phục vụ cho dịch bệnh, thuốc chuyên khoa luôn phải dự trữ nhưng luôn tìm ẩn rủi ro không thể tiêu thụ được, hàng hóa dược phẩm có thời hạn sử dụng nhất định. Việc không tiêu thụ sản phẩm đến khi hết thời hạn mang lại lợi nhuận thấp, đồng thời tổn kém thêm chi phí tiêu hủy cho doanh nghiệp. Tuy nhiên doanh nghiệp có khả năng xây dựng kế hoạch tiêu thụ và luân chuyển sản phẩm một cách hợp lý sẽ tránh được những rủi ro này.



Rủi ro thị trường

Thời gian gần đây, với việc thực hiện các Hiệp định thương mại tự do (FTA), quá trình hội nhập kinh tế diễn ra khá mạnh mẽ, điều này sẽ mở ra cơ hội và không gian phát triển rộng lớn hơn, nhưng thách thức cũng lớn hơn. Tiến trình này sẽ thu hút mạnh các nhà đầu tư ngoại tham gia vào nền kinh tế, tạo nên sự đa dạng trong cả cung và cầu, song song đó là sự cạnh tranh mạnh mẽ do hội nhập mang lại.

Cạnh tranh trong ngành ngày càng gay gắt khi có sự góp mặt ngày càng nhiều số lượng doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia cung ứng thuốc khiến Tipharco một mặt chịu áp lực cạnh tranh với các doanh nghiệp nội địa, mặt khác chịu áp lực rất lớn từ phía các doanh nghiệp nước ngoài với các sản phẩm đặc trị có giá trị cao, đáp ứng đủ danh mục thiết yếu của Bộ y tế. Bên cạnh đó tâm lý chuộng hàng ngoại cũng gây khó khăn cho các doanh nghiệp trong nước như Tipharco.

Tuy nhiên, với những lợi thế về sự am hiểu trong ngành dược, uy tín và các mối quan hệ tốt với đối tác, khách hàng được thiết lập trong suốt quá trình hoạt động, Tipharco đã và đang xây dựng, bồi đắp nên những giá trị bền vững để chuẩn bị sẵn sàng cho mọi hoạt động trong tương lai.

Rủi ro biến động giá cả nguyên vật liệu

Là một doanh nghiệp sản xuất, sự biến động giá cả nguyên vật liệu đầu vào có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất của công ty. Thời gian gần đây giá nguyên vật liệu và tá dược đang có sự biến động tạo ra cho Công ty những vấn đề cấp thiết cần xem xét và có biện pháp ứng phó thích hợp. Hiện nay, Công ty có những chiến lược cụ thể như ký hợp đồng trước với các nhà cung ứng.

Mặt khác, do nguồn nguyên liệu phục vụ cho quá trình sản xuất tại Công ty chủ yếu được nhập khẩu chính vì thế những biến động của tỷ giá cũng sẽ ảnh hưởng đến chi phí đầu vào của nguồn nguyên liệu. Trước tình hình này, việc dự trữ nguyên liệu nhằm ổn định sản xuất và giá thành là rất cần thiết, đòi hỏi Công ty phải tính toán hợp lý nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong khâu dự trữ.

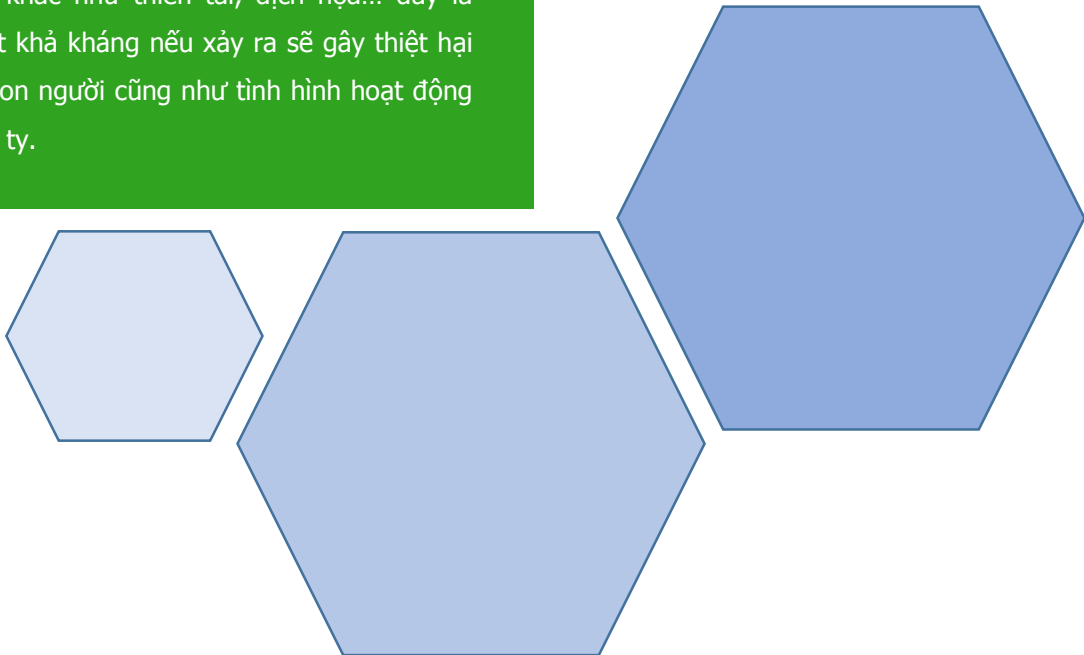
Rủi ro pháp lý

Việc ban hành hoặc thay đổi chính sách, các quy định mới liên quan đến hoạt động của ngành có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Tuy nhiên, Công ty luôn phân tích các yếu tố rủi ro để khi có xảy ra sẽ kịp thời chủ động ứng phó.

Là doanh nghiệp hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty chịu sự chi phối của các Luật như Luật Doanh Nghiệp, Luật Thuế, Bộ luật Lao động... Ngoài ra, việc ban hành hoặc thay đổi chính sách, các quy định mới liên quan đến hoạt động của ngành có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Mọi thay đổi trong các Luật, Quy định nêu trên và những thay đổi trong chính sách quản lý vĩ mô đều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, vì thế Tipharco luôn có sự chủ động nghiên cứu nắm bắt các quy định mới, từ đó áp dụng thực tế vào các quy trình nghiệp vụ để có được sự tuân thủ pháp luật với mức độ cao nhất.

Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro trên, hoạt động kinh doanh của Công ty còn chịu rủi ro khác như thiên tai, dịch họa... đây là những rủi ro bất khả kháng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại về vật chất và con người cũng như tình hình hoạt động chung của Công ty.





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- ✓ Hội đồng quản trị
- ✓ Ban kiểm soát
- ✓ Ban điều hành công ty
- ✓ Những thay đổi trong HĐQT, BKS, Ban điều hành
- ✓ Tình hình nhân sự và các chính sách đối với người lao động



BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Thành viên Ban Điều hành của công ty như sau:

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Phạm Quang Bình	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2	Trần Thị Tám	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
3	Lê Văn Châu	Phó Tổng Giám đốc
4	Đặng Thị Xuân Quyên	Phó Tổng Giám đốc
5	Lê Thị Mỹ Tiên	Kế toán Trưởng

ÔNG PHẠM QUANG BÌNH – CHỦ TỊCH HĐQT KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC

- Ngày tháng năm sinh : 06/06/1954
- Nơi sinh : Bình Định
- Trình độ chuyên môn : Dược sĩ Đại Học
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : 112.996 cổ phiếu – 3,33% VDL
- Khen thưởng : Huân chương lao động hạng 3
- *Quá trình công tác*
 - Từ năm 1973 – năm 1979 : Học tại Trường Đại học Y Dược Tp.HCM
 - Từ tháng 05/1980 – tháng 11/1980 : Kỹ thuật viên phân xưởng chế biến trực thuộc CT Dược & Vật Tư Y Tế Tiền Giang
 - Từ tháng 12/1980 – tháng 12/1989 : Trưởng phân xưởng chế biến trực thuộc CT Dược & Vật Tư Y Tế Tiền Giang
 - Từ tháng 01/1990 – tháng 03/1993 : Phó quản đốc xưởng Sản xuất trực thuộc CT Dược & Vật Tư Y Tế Tiền Giang
 - Từ tháng 04/1993 – tháng 09/1999 : Phó phòng Kỹ thuật Kiểm nghiệm CT Dược & Vật Tư Y Tế Tiền Giang
 - Từ tháng 09/1999 – tháng 05/2010 : Phó Tổng Giám đốc CTCP Dược phẩm Tipharco
 - Từ tháng 06/2010 – tháng 03/2011 : Tổng Giám đốc CTCP Dược phẩm Tipharco
 - Từ tháng 04/2011 – nay : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Dược phẩm Tipharco

BÀ TRẦN THỊ TÁM – THÀNH VIÊN HĐQT KIÊM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Ngày tháng năm sinh : 11/04/1965
- Nơi sinh : Tân Hương, Châu Thành, Tiền Giang
- Trình độ chuyên môn : Dược sĩ Đại Học chuyên khoa 1
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : 159.064 cổ phiếu – 4,68% VDL
- *Quá trình công tác*
 - Từ năm 1988 – năm 1991 : Làm việc tại Phòng Y Tế - Châu Thành - Tiền Giang
 - Từ năm 1991 – năm 1994 : Phó Chủ nhiệm Hiệu thuốc Châu Thành
 - Từ năm 1994 – năm 2003 : Trưởng Trung Tâm Dược phẩm Châu Thành
 - Từ năm 2003 – năm 2004 : Phó Phòng kế hoạch CT Dược & Vật Tư Y Tế Tiền Giang
 - Từ năm 2004 – tháng 06/2010 : Trưởng Phòng kinh doanh CTCP Dược phẩm Tipharco
 - Từ tháng 06/2010 – nay : Phó Tổng Giám đốc CTCP Dược phẩm Tipharco
 - Từ năm 2011 – nay : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Dược phẩm Tipharco

ÔNG LÊ VĂN CHÂU – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Ngày tháng năm sinh : 10/01/1955
- Nơi sinh : Tiền Giang
- Trình độ chuyên môn : Trung cấp Kế toán
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : 178.512 cổ phiếu – 5,25% VDL
- *Quá trình công tác*
 - Từ năm 1974 – năm 1975 : Học viên Trường Dược Tá của Ty Y Tế Tỉnh Mỹ Tho
 - Từ năm 1975 – năm 1976 : Nhân viên phòng bào chế Ty Y Tế Tỉnh Mỹ Tho
 - Từ năm 1976 – năm 1979 : Nhân viên Sản xuất của Xí nghiệp Dược phẩm Tiền Giang
 - Từ năm 1979 – năm 1981 : Học viên Trường Bổ Túc Văn Hóa cấp II – III tỉnh Tiền Giang
 - Từ năm 1981 – năm 1983 : Học viên Trường Tài chính – Kế toán IV Tp.HCM
 - Từ năm 1983 – năm 2003 : Phó Phòng kế toán CT Dược & VTYT Tiền Giang
 - Từ năm 2003 – năm 2006 : Kế toán trưởng CT Dược & VTYT Tiền Giang
 - Từ năm 2006 – năm 2008 : Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng CTCP Dược phẩm Tipharco
 - Từ năm 2008 – năm 2011 : Thành viên HĐQT, Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng CTCP Dược phẩm Tipharco
 - Từ năm 2011 – năm 2015 : Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc tài chính CTCP Dược phẩm Tipharco
 - Từ năm 2016 – nay : Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc tài chính CTCP Dược phẩm Tipharco

BÀ ĐẶNG THỊ XUÂN QUYÊN – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Ngày tháng năm sinh : 19/02/1978
- Nơi sinh : Mỹ Tho - Tiền Giang
- Trình độ chuyên môn : Dược sĩ Đại Học
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : 18.465 cổ phiếu – 0,54% VDL
- *Quá trình công tác*
 - Từ 09/03/2002 – 24/05/2003 : Nhân viên Xưởng Nonbetalactam CT Dược và Vật Tư Y Tế Tiền Giang
 - Từ 25/05/2003 – 31/10/2004 : Nhân viên Phòng Nghiên cứu phát triển (RD) CT Dược và Vật Tư Y Tế Tiền Giang
 - Từ 01/11/2004 – 31/07/2005 : Phó Phòng Nghiên cứu phát triển (RD) CT Dược và Vật Tư Y Tế Tiền Giang
 - Từ 01/08/2005 – 15/04/2013 : Trưởng Phòng đảm bảo chất lượng (QA) CTCP Dược phẩm Tipharco
 - Từ 15/04/2013 – nay : Phó Tổng Giám đốc CTCP Dược phẩm Tipharco

BÀ LÊ THỊ MỸ TIÊN – KẾ TOÁN TRƯỞNG

- Ngày tháng năm sinh : 1978
- Nơi sinh : Chợ Gạo - Tiền Giang
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : 9.421 cổ phiếu – 0,28% VDL
- *Quá trình công tác*
 - Từ năm 1999 – năm 2003 : Nhân viên kế toán CT Dược và Vật Tư Y Tế Tiền Giang
 - Từ năm 2003 – năm 2012 : Phó Phòng kế toán CTCP Dược phẩm Tipharco
 - Từ năm 2012 – nay : Kế toán trưởng CTCP Dược phẩm Tipharco

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty như sau:

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Phạm Quang Bình	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2	Trần Thị Tám	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
3	Phạm Trung Nghĩa	Thành viên HĐQT
4	Huỳnh Thị Nguyễn Thủy	Thành viên HĐQT
5	Nguyễn Văn Tám	Thành viên HĐQT

Sơ yếu lý lịch **Ông Phạm Quang Bình** và **Bà Trần Thị Tám** vui lòng xem thông tin tại mục Sơ yếu lý lịch Ban Điều hành Công ty.

ÔNG PHẠM TRUNG NGHĨA – THÀNH VIÊN HĐQT

- Ngày tháng năm sinh : 01/01/1952
- Nơi sinh : Tiền Giang
- Trình độ chuyên môn : Đại Học Hóa Sinh
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : TV HĐQT CTCP Dược phẩm TW25;
Chủ tịch HĐQT CT TNHH Dược phẩm Đại Việt Á;
Chủ tịch HĐQT CTCP Phạm Gia Hưng.
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : Không
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 780.000 cổ phiếu – 22,95% VĐL – Đại diện vốn góp của CT TNHH Dược phẩm Đại Việt Á
- *Quá trình công tác*
 - Từ năm 1994 – nay : Chủ tịch HĐQT CT TNHH Dược phẩm Đại Việt Á
 - Từ năm 2001 – nay : Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm TW25
 - Từ năm 2006 – 2016 : Chủ tịch HĐQT CTCP Dược phẩm Euvipharm - TV Tập đoàn Valeant
 - Từ năm 2006 – nay : Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm Tipharco
 - Từ năm 2007 – nay : Chủ tịch HĐQT CTCP Phạm Gia Hưng

BÀ HUỖNH THỊ NGUYỄN THỦY – THÀNH VIÊN HĐQT

- Ngày tháng năm sinh : 08/11/1974
- Nơi sinh : Kon Tum
- Trình độ chuyên môn : Dược sĩ Đại Học
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc CTCP Dược Vật Tư Y Tế Kon Tum
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : 810.619 cổ phiếu – 23,85% VDL
- *Quá trình công tác*
 - Từ năm 1993 – năm 1998 : Học tại Đại học Y Dược Tp.Hồ Chí Minh – Khoa Dược
 - Từ năm 1999 – năm 2003 : Làm việc tại Bệnh viện đa khoa Tỉnh Kon Tum – Khoa Dược
 - Từ năm 2004 – năm 2006 : Làm việc tại CTCP Dược TW Medipharco Tenamyd – Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh
 - Từ năm 2007 - nay : Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc CTCP Dược Vật Tư Y Tế Kon Tum
 - Từ năm 2012 - nay : Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm Tipharco

ÔNG NGUYỄN VĂN TÁM – THÀNH VIÊN HĐQT

- Ngày tháng năm sinh : 15/07/1964
- Nơi sinh : Long An
- Trình độ chuyên môn : Cao Đẳng Marketing
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Giám đốc CT TNHH Dược phẩm Thiên Khánh
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : Không
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 915.600 cổ phiếu – 26,94% VDL – Đại diện phần vốn góp của CT TNHH Dược phẩm Thiên Khánh
- *Quá trình công tác*
 - Từ năm 1995 – năm 2000 : Nhân viên Xí nghiệp Dược phẩm Long An
 - Từ năm 2001 – năm 2005 : Phụ trách cửa hàng giới thiệu sản phẩm Xí nghiệp Dược phẩm MeBiPhar
 - Từ năm 2005 – nay : Giám đốc CT TNHH Dược phẩm Thiên Khánh
 - Từ năm 2006 – nay : Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm Tipharco

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban kiểm soát của công ty như sau:

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Dương Thị Thúy Liễu	Trưởng BKS
2	Trần Thị Thu Vân	Thành viên
3	Trần Hoàng Quân	Thành viên

Cơ cấu Ban Kiểm soát

BÀ DƯƠNG THỊ THÚY LIỄU – TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

- Ngày tháng năm sinh : 01/01/1986
- Nơi sinh : Châu Thành - Tiền Giang
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế Toán
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : 300 cổ phiếu – 0,00% VĐL
- *Quá trình công tác*
 - Từ tháng 10/2004 – tháng 10/2007 : Học tại Trường Đại học Tiền Giang
 - Từ tháng 11/2007 – tháng 10/2008 : Kế toán tổng hợp tại CTCP Đầu Tư Xây Dựng Viễn Thông Hoàng Hưng
 - Từ 01/08/2009 – 24/03/2011 : Nhân viên kế toán tại Trung tâm Dược phẩm Mỹ Tho thuộc CTCP Dược phẩm Tipharco
 - Từ 25/03/2011 – nay : Trưởng BKS CTCP Dược phẩm Tipharco

BÀ TRẦN THỊ THU VÂN – THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- Ngày tháng năm sinh : 18/08/1982
- Nơi sinh : Mỹ Tho – Tiền Giang
- Trình độ chuyên môn : Dược sĩ Trung học
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : 600 cổ phiếu – 0,02% VĐL
- Số cổ phần của người có liên quan : Không
- *Quá trình công tác*
 - Từ năm 1998 – năm 2000 : Học tại Trường THPT Tân Mỹ Chánh
 - Từ năm 2001 – năm 2003 : Học tại Trường Trung học Y Tế Tiền Giang
 - Từ 25/09/2003 – 30/11/2015 : Nhân viên Phòng kinh doanh CTCP Dược phẩm Tipharco
 - Từ 01/12/2015 – nay : Tổ trưởng Tổ vật tư thuộc Phòng kinh doanh CTCP Dược phẩm Tipharco
 - Từ 25/03/2011 – nay : Thành viên BKS CTCP Dược phẩm Tipharco

ÔNG TRẦN HOÀNG QUÂN – THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- Ngày tháng năm sinh : 25/07/1979
- Nơi sinh : Châu Thành – Tiền Giang
- Trình độ chuyên môn : Dược sĩ Đại Học
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : 4.300 cổ phiếu – 0,13% VĐL
- *Quá trình công tác*
 - Từ năm 1998 – năm 2001 : Học tại Trường Trung học Y Tế Tiền Giang
 - Từ 26/07/2001 – 16/09/2007 : Nhân viên bán hàng Tại Trung tâm mua bán thuốc Châu Thành, Tiền Giang
 - Từ 17/09/2007 – 30/08/2011 : Học Dược sĩ Đại học
 - Từ 01/09/2011 – 28/02/2012 : Nhân viên sản xuất CTCP Dược phẩm Tipharco
 - Từ 01/03/2012 – 14/04/2013 : Kỹ thuật viên Xưởng sản xuất CTCP Dược phẩm Tipharco
 - Từ 15/04/2013 – 31/03/2014 : Phó Phòng đảm bảo chất lượng CTCP Dược phẩm Tipharco
 - Từ 01/04/2014 – nay : Trưởng Phòng đảm bảo chất lượng CTCP Dược phẩm Tipharco
 - Từ năm 2012 – nay : Thành viên BKS CTCP Dược phẩm Tipharco

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

Trong năm, Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco không có sự thay đổi trong Ban Điều hành.

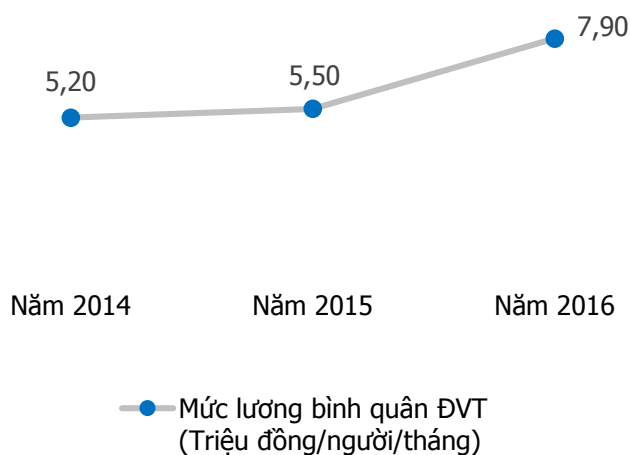
TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CÁC CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

❖ Tình hình nhân sự của Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco

STT	Tính chất phân loại	Năm 2016	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	313	100%
1	Trên Đại học	2	0,64%
2	Đại học, cao đẳng	62	19,81%
3	Trung cấp	209	66,77%
4	Công nhân kỹ thuật	25	7,99%
5	Lao động phổ thông	15	4,79%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	313	100%
1	Hợp đồng không thời hạn	203	65%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	-	-
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	110	35%

❖ Mức lương bình quân của 3 năm gần đây

- Năm 2014: 5.200.000 đồng/người/tháng
- Năm 2015: 5.500.000 đồng/người/tháng
- Năm 2016: 7.900.000 đồng/người/tháng



❖ Các chính sách đối với người lao động

Chế độ làm việc

Tất cả lao động ở Công ty đều làm việc theo chế độ hợp đồng lao động. Giờ làm việc tại Công ty là 08h/ngày, tùy theo công việc của từng bộ phận, Công ty bố trí làm việc theo ca. Các bộ phận sẽ được chấm công thêm giờ nếu cần làm thêm giờ theo yêu cầu công việc.

Chính sách tuyển dụng

Thực hiện nghiêm túc các bước tuyển dụng với sự tham gia phỏng vấn của lãnh đạo đơn vị, phòng nhân sự hành chính.

Đào tạo

Thường xuyên đào tạo, cập nhật kiến thức mới, nâng cao tinh thần trách nhiệm, tự tin trong công việc.

Công tác đảm bảo an toàn lao động

Huấn luyện về công tác an toàn vệ sinh lao động trong sản xuất, huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy, thường xuyên kiểm tra về an toàn vệ sinh lao động và dụng cụ phòng chống cháy nổ đầy đủ.

Công tác chăm sóc sức khỏe

Tổ chức khám bệnh tổng quát cho nhân viên công ty và bồi dưỡng độc hại cho các bộ phận làm việc trong môi trường độc hại.

Về chính sách lương thưởng phúc lợi

Công ty đã xây dựng chính sách tiền lương phù hợp và đảm bảo cho người lao động hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước. Lương được xác định dựa trên trình độ, cấp bậc của người lao động, đảm bảo phù hợp với năng lực và công việc của từng người, khuyến khích cán bộ, nhân viên trong công ty làm việc hăng say, góp phần thúc đẩy hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



- ✓ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- ✓ Tình hình hoạt động đầu tư
- ✓ Tình hình tài chính
- ✓ Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu



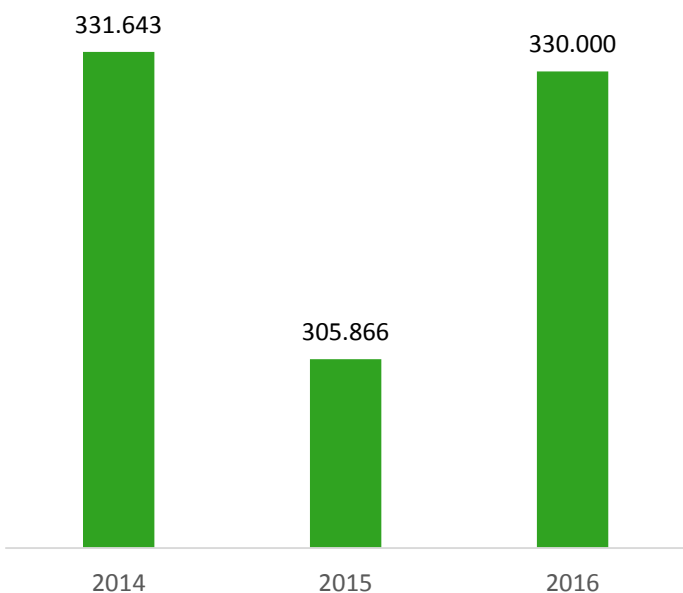
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐVT: Triệu đồng

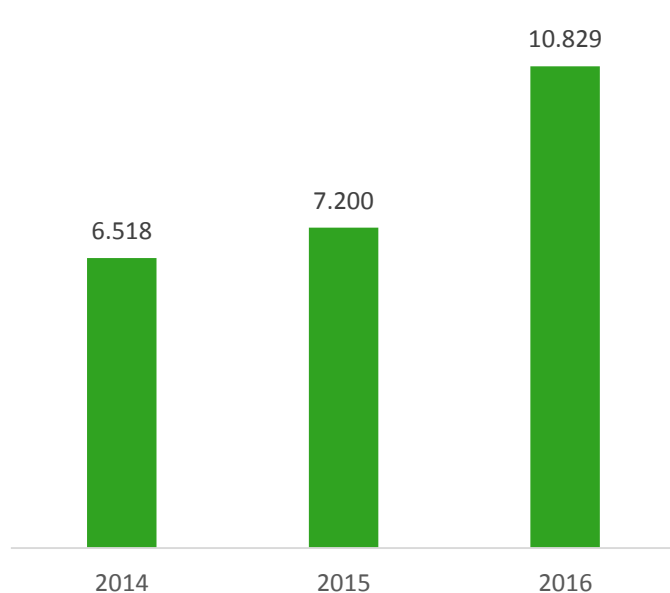
Chỉ tiêu	TH 2015	KH 2016	TH 2016	TH/KH 2016 (%)	2016/TH 2015 (%)
Tổng doanh thu	305.866	315.000	330.000	104,76%	107,89%
<i>Doanh thu hoạt động sản xuất</i>	213.145	215.000	268.135	124,71%	125,80%
Lợi nhuận trước thuế	7.200	7.500	10.829	144,39%	150,40%
Lợi nhuận sau thuế	5.713	6.000	8.647	144,12%	151,36%

Năm qua, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có nhiều thuận lợi, Tipharco đã tham gia đấu thầu vào khối điều trị trong, ngoài tỉnh, ủy quyền cho đấu thầu hàng công ty sản xuất và trúng thầu vào khối điều trị trên 40 sản phẩm với giá trị trên 80 tỷ đồng. Từ đó, đảm bảo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch của công ty năm 2016, đảm bảo nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước. Kết quả kinh doanh cho thấy, tổng doanh thu đã vượt kế hoạch 4,76%, tăng 7,89 so với năm 2015, đạt mức 330.000 tỷ đồng (trong đó doanh thu hoạt động sản xuất đã tăng đáng kể đến 25,80% so với năm trước và vượt kế hoạch 24,71%).

Tổng doanh thu qua các năm



Lợi nhuận trước thuế qua các năm



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ



Về đầu tư phát triển

Nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh để nâng cao chất lượng sản phẩm, các hoạt động kinh doanh. Trong năm qua Công ty đã đầu tư bổ sung máy móc thiết bị để nâng cao năng lực sản xuất, kiểm tra chất lượng sản phẩm, xây dựng hệ thống phân phối đạt tiêu chuẩn quy định. Vốn đầu tư bổ sung thiết bị sản xuất, thiết bị kiểm tra chất lượng cần thiết trong năm bằng nguồn vốn vay và vốn tự có của Công ty với số tiền hơn 7 tỷ đồng.

Mở rộng sản xuất

Trong năm, Công ty có dự án đầu tư Nhà máy sản xuất thuốc từ dược liệu với tổng vốn đầu tư hơn 73 tỷ đồng. Dự án đang xây dựng sắp hoàn chỉnh vào quý II năm 2017 và dự kiến đi vào hoạt động ổn định trong quý III năm 2017.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

ĐVT : đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2015	Thực hiện 2016	% Tăng giảm
Tổng tài sản	178.021.258.697	195.797.140.345	9,99%
Doanh thu thuần	303.767.446.762	328.650.748.101	8,19%
Giá vốn hàng bán	254.308.224.840	255.746.265.870	0,57%
Lợi nhuận từ HĐKD	6.619.761.723	9.969.658.888	50,60%
Thu nhập khác	704.906.366	869.452.699	23,34%
Lợi nhuận trước thuế	7.200.233.946	10.828.591.196	50,39%
Lợi nhuận sau thuế	5.712.611.067	8.647.448.879	51,37%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,04	1,26
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,70	0,80
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	73,09%	65,85%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	271,67%	192,86%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	5,35	5,37
Vòng quay tài sản	Vòng	1,74	1,76
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	1,88%	2,63%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	11,92%	12,93%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	3,21%	4,42%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	2,18%	3,03%

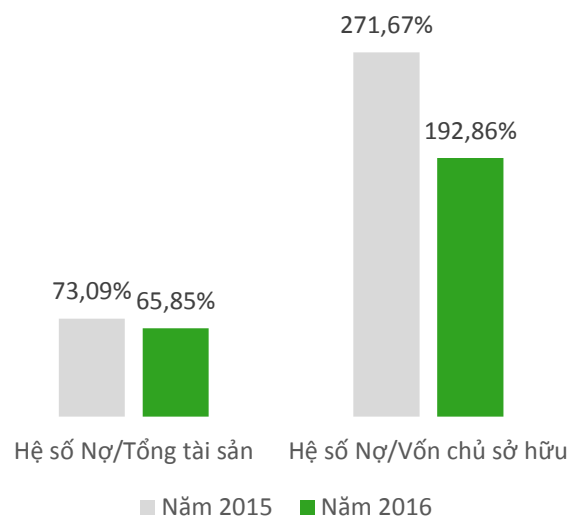
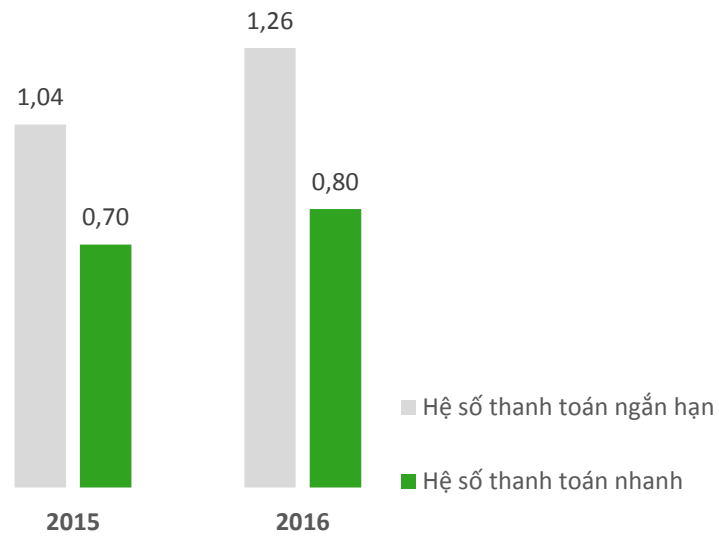
Hệ số khả năng thanh toán

Hệ số khả năng thanh toán của Công ty trong năm có sự gia tăng đáng kể, điều này cho thấy khả năng đảm bảo cho các khoản nợ ngắn hạn của Tipharco tiếp tục có sự gia tăng. Trong năm, nợ ngắn hạn đã giảm 9,72% so với năm trước, đạt mức 112,7 tỷ đồng, do Công ty đã trả đi phần lớn nợ ngắn hạn mà mình đã vay phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, tài sản ngắn hạn lại có sự gia tăng 9,23%, đạt mức 142,4 tỷ đồng, nguyên nhân chính do trong năm Tipharco có các khoản tiền ứng trước cho đơn vị thi công Nhà máy mới đang xây dựng, trả trước cho doanh nghiệp cung cấp thiết bị, máy móc mà Công ty đã lựa chọn mua hàng và các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng có sự gia tăng. Hàng tồn kho trong năm đã tăng 20,94%, đạt mức 52,1 tỷ đồng, chủ yếu là nguyên liệu, vật liệu dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh được Tipharco nhập về để phục vụ cho các kế hoạch sản xuất và giảm thiểu rủi ro biến động về giá nguyên liệu.

Hệ số khả năng cơ cấu vốn

Các hệ số cơ cấu vốn chuyển biến theo hướng giảm nợ phải trả, gia tăng tài sản và nguồn vốn điều này được hiểu là sẽ giảm đi rủi ro tài chính cho Công ty trong thời gian tới. Cụ thể nợ phải trả đã giảm 0,91%, đạt mức 128,9 tỷ đồng, chủ yếu do sự giảm đi đáng kể của nợ ngắn hạn. Trong khi đó, tài sản Công ty đã tăng 9,99%, đạt mức 195,8 tỷ đồng nguyên nhân do sự tăng lên của cả tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn. Với việc phát hành thành công 116.250 cổ phiếu cho người lao động và 957.000 cổ phiếu cho các đối tác chiến lược, Công ty đã nâng đáng kể giá trị vốn đầu tư của chủ sở hữu và thặng dư vốn, sự thay đổi này vốn chủ sở hữu đã tăng mạnh 39,59%, đạt mức 66,9 tỷ đồng.

Khả năng thanh toán

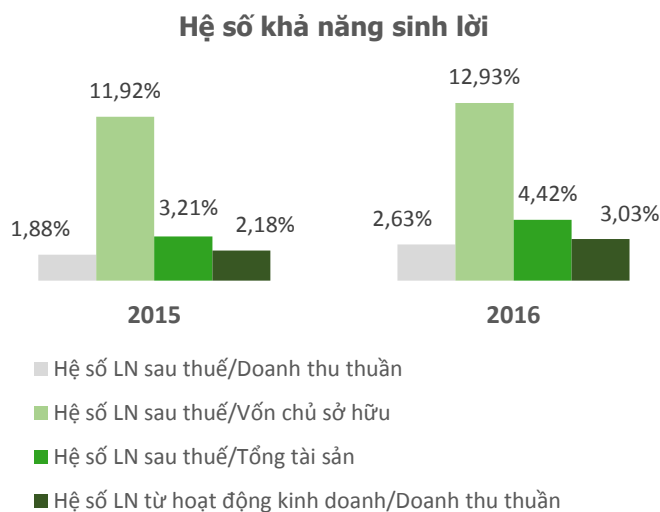


Hệ số năng lực hoạt động

Các hệ số năng lực hoạt động của Công ty được duy trì và có sự tăng nhẹ. Như vậy, hàng tồn kho đã được tiêu thụ nhanh hơn so với năm trước. Bên cạnh đó, hiệu suất sử dụng tài sản để mang lại doanh thu cũng đã có sự gia tăng.

Hệ số khả năng sinh lời

Các hệ số khả năng sinh lời trong năm của Công ty đều có sự gia tăng, nguyên nhân chính do lợi nhuận sau thuế và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đã tăng mạnh trung bình hơn 50% so với năm trước, lần lượt đạt mức 8,6 tỷ và 10,8 tỷ đồng. Bên cạnh đó, doanh thu thuần, tổng tài sản và vốn chủ sở hữu trong năm cũng đã tăng lên nhưng với tỷ lệ thấp hơn tỷ lệ gia tăng của lợi nhuận. Như vậy, với việc hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh và giữ vững sự tăng trưởng về lợi nhuận Tipharco đã nâng các hệ số khả năng sinh lời của mình lên đáng kể.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI TRONG VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

Cổ phần phổ thông: 3.398.250 cổ phần

Cổ phần ưu đãi: 0 cổ phần

Số lượng cổ phần đang lưu hành: 3.398.250 cổ phần

Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần

Mệnh giá: 10.000 VNĐ

Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

Cơ cấu cổ đông năm 2016

STT	Họ tên	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
I	Cổ đông trong nước	279	3.398.250	100,00%
	<i>Tổ chức</i>	<i>02</i>	<i>1.695.600</i>	<i>49,90%</i>
	<i>Cá nhân</i>	<i>277</i>	<i>1.702.650</i>	<i>50,10%</i>
II	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
	<i>Tổ chức</i>	-	-	-
	<i>Cá nhân</i>	-	-	-
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
	Tổng cộng	279	3.398.250	100,00%

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên	Số lượng cổ phần	Giá trị(đồng)	Tỷ lệ(%)
1	Huỳnh Thị Nguyên Thủy	810.619	8.106.190.000	23,85%
2	Lê Văn Châu	178.512	1.785.120.000	5,25%
3	Công ty TNHH Dược phẩm Đại Việt Á	780.000	7.800.000.000	22,95%
4	Công ty TNHH Dược phẩm Thiên Khánh	915.600	9.156.000.000	26,94%
	Tổng cộng	2.684.731	26.847.310.000	78,99%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Thực hiện nghị quyết lấy ý kiến ĐHĐCĐ số 18-NQ/ĐHĐCĐ ngày 08/06/2016, Hội đồng quản trị, Ban Điều hành Công ty đã triển khai việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động và phát hành riêng lẻ cho các đối tác chiến lược. Theo đó Công ty đã phát hành thành công 116.250 cổ phiếu cho người lao động và 957.000 cổ phiếu cho các đối tác chiến lược, nâng số vốn điều lệ của Tipharco lên 33.982.500.000 đồng.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

Các chứng khoán khác

Không có



BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

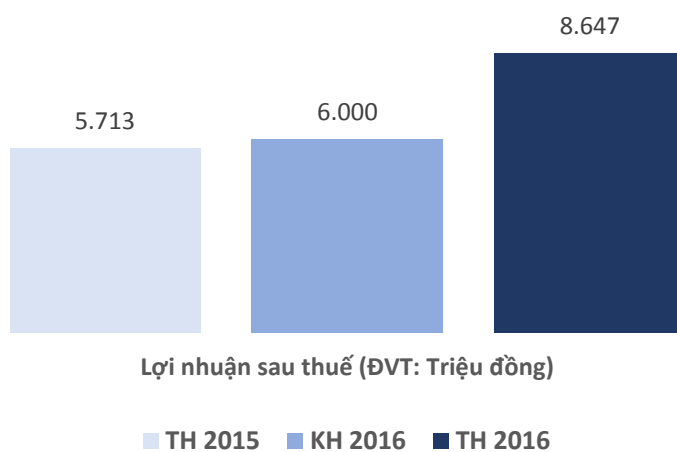
- ✓ Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
- ✓ Tình hình tài chính
- ✓ Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý
- ✓ Kế hoạch phát triển trong tương lai
- ✓ Giải trình của Ban Tổng Giám đốc với ý kiến kiểm toán

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2015	KH 2016	TH 2016	TH/KH 2016 (%)	TH 2016/TH 2015 (%)
Tổng doanh thu	305.866	315.000	330.000	104,76%	107,89%
Doanh thu hoạt động sản xuất	213.145	215.000	268.135	124,71%	125,80%
Lợi nhuận trước thuế	7.200	7.500	10.829	144,39%	150,40%
Lợi nhuận sau thuế	5.713	6.000	8.647	144,12%	151,36%
Thu nhập bình quân của NLD	5,5	5,8	7.9	136,21%	143,64%
Tỷ lệ cổ tức trên VDL	17%	15%	Dự kiến 17%	-	-

Tình hình thực hiện kế hoạch 2016



Năm qua, chúng ta có thể thấy rằng Công ty đã hoàn thành tốt các kế hoạch kinh doanh đã đề ra, bên cạnh đó duy trì được sự tăng trưởng so với cùng kỳ. Những công việc thực hiện trong năm theo lĩnh vực như sau:

01

Về kinh doanh

Củng cố thị trường trong tỉnh và đã mở rộng thị trường các khu vực Miền Tây, Miền Đông, Tây Nguyên, Miền Trung, Hà Nội và các tỉnh lân cận thông qua hệ thống các công ty cùng ngành để phát triển và đấu thầu, ủy quyền cho đấu thầu vào khối điều trị đạt kết quả cao.

Các hoạt động kinh doanh được củng cố có hiệu quả, xây dựng đội ngũ bán hàng, tiếp thị ngày càng tốt hơn, chương trình khuyến mãi bán hàng, chăm sóc khách hàng thiết thực hơn đã thu hút được khách hàng gắn bó với sản phẩm của công ty.

Nhưng quan trọng nhất là sự cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm, chất lượng phục vụ, xây dựng hệ thống bán buôn, bán lẻ đạt tiêu chuẩn GDP, GPP theo quy định của Ngành Y tế.

03

Về hệ thống quản lý chất lượng

Không ngừng cải tiến nâng cao về các mặt quản lý chất lượng, chuyên môn, nghiệp vụ trong công ty được duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo ISO; trong sản xuất thực hiện theo tiêu chuẩn GMP-WHO, GLP, GSP; trong phân phối thực hiện GDP, GPP theo quy định của ngành Y tế.

02

Về sản xuất

Sắp xếp, bố trí, cơ cấu bộ phận sản xuất phù hợp hoạt động và có hiệu quả, tăng năng suất lao động, tiết kiệm nguyên vật liệu, bao bì, điện nước, các chi phí khác,... để giảm giá thành sản phẩm.

Cải tiến các mẫu mã, quy trình sản xuất, không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm; tiếp tục đầu tư kinh phí thử tương đương sinh học cho sản phẩm chủ lực, đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, công suất cao các dây chuyền sản xuất; xây dựng thương hiệu thông qua các hoạt động về nghiên cứu thị trường, hội thảo chuyên đề sản xuất, bán hàng, hội thảo khoa học,... Từ đó sản phẩm của công ty đã đạt được một số Thương hiệu trong ngành Dược.



04

Về nhân sự, tiền lương

Công ty luôn coi con người là tài sản quý giá nhất, vì vậy công tác quản trị nhân sự luôn được chú trọng, công ty tập trung đầu tư, tạo mọi điều kiện, môi trường làm việc để phát huy tốt năng lực, trí tuệ của tập thể và cá nhân người lao động, sắp xếp bố trí đúng năng lực của các cá nhân để nâng cao hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh và một số lĩnh vực khác.

Công ty từng bước nâng cao thu nhập qua hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho người lao động để giữ và thu hút cán bộ, nhân viên có năng lực cống hiến cho sự phát triển lâu dài của công ty. Thu nhập người lao động so với năm trước luôn được quan tâm và đã được nâng lên từ kế hoạch 5,8 triệu lên 7,9 triệu đồng/người/ tháng, so kế hoạch đạt 136,21%.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

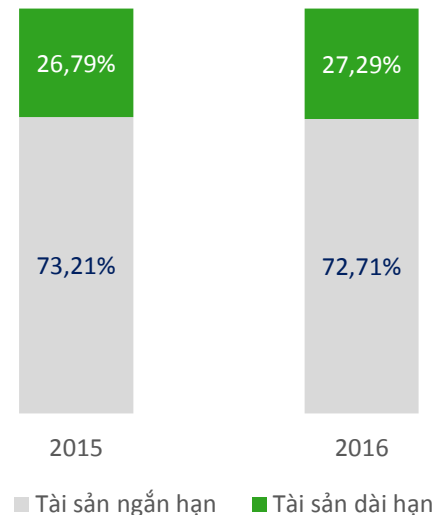
ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Tỷ lệ 2016/2015
Tài sản	178.021.258.697	195.797.140.345	109,99%
Tài sản ngắn hạn	130.330.920.783	142.360.628.073	109,23%
Tài sản dài hạn	47.690.337.914	53.436.512.272	112,05%
Nguồn vốn	178.021.258.697	195.797.140.345	109,99%
Nợ ngắn hạn	124.887.888.995	112.748.095.470	90,28%
Nợ dài hạn	5.236.178.552	16.191.233.393	309,22%
Vốn chủ sở hữu	47.897.191.150	66.857.811.482	139,59%

Tài sản:

Cơ cấu tài sản không có nhiều thay đổi, khi tài sản ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản, theo đó khoản mục này đã chiếm đến 72,71% trong năm 2016. Năm qua, công ty có sự triển khai thực hiện xây dựng Nhà máy sản xuất thuốc từ dược liệu và tăng cường đầu tư thêm máy móc, thiết bị nên việc ứng trước tiền cho các doanh nghiệp xây dựng và doanh nghiệp kinh doanh thiết bị ngành dược đã làm các khoản trả trước cho người bán tăng lên đáng kể, đây cũng là một trong những nguyên nhân chính làm tài sản ngắn hạn có sự chuyển biến như trên. Hàng tồn kho trong năm đã tăng hơn so với cùng kỳ

Cơ cấu tài sản



năm trước, chủ yếu là nguyên liệu, vật liệu dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh được Tipharco nhập về để phục vụ cho các kế hoạch sản xuất và giảm thiểu rủi ro biến động về giá nguyên liệu.

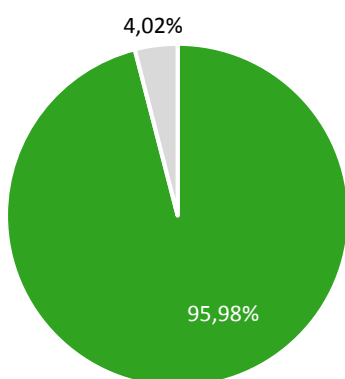
Tài sản dài hạn cũng đã tăng 12,05% so với năm trước, đạt mức 53,4 tỷ đồng. Nguyên nhân chính do sự tăng lên của khoản mục xây dựng cơ bản dở dang, đây là các chi phí đã được đầu tư vào nhà máy mới. Như vậy, với sự gia tăng đồng thời của tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn, tổng tài sản của Tipharco cũng đã tăng lên gần 10%, đạt mức 195,8 tỷ đồng.

Nguồn vốn:

Nợ ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nợ phải trả, năm qua khoản mục này đã giảm đi 9,7%, đạt mức 112,7 tỷ đồng. Điều này được giải thích do trong năm Công ty đã trả phần lớn khoản nợ mà mình đã vay ngân hàng phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Trong khi đó, nợ dài hạn lại có sự gia tăng đáng kể khi đã tăng đến 209,2% so với năm trước, đạt mức 16,2 tỷ đồng, chủ yếu do Tipharco đã thực hiện vay vốn ngân hàng tài trợ cho các hoạt động đầu tư trong năm của mình. Như vậy, với việc phục vụ cho những kế hoạch phát triển trong thời gian tới, Công ty đã có sự gia tăng đáng kể nợ phải trả của mình, điều này đòi

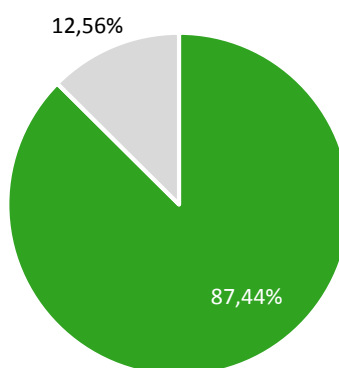
hỏi công ty cần phải có các chính sách quản lý để có thể cân đối được dòng tiền hoạt động, tránh rơi vào tình trạng chịu áp lực tài chính. Nguồn vốn chủ sở hữu năm qua đã có sự gia tăng đáng kể 39,59%, đạt mức 66,9 tỷ đồng, nguyên nhân do công ty đã thực hiện thành công đợt phát hành cổ phiếu ESOP cho người lao động và phát hành riêng lẻ cho các đối tác chiến lược, làm khoản mục vốn đầu tư của chủ sở hữu và thặng dư vốn tăng lên đáng kể so với năm trước.

Cơ cấu nợ năm 2015



■ Nợ ngắn hạn ■ Nợ dài hạn

Cơ cấu nợ năm 2016



■ Nợ ngắn hạn ■ Nợ dài hạn



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Năm vừa qua, Công ty tiếp tục hoạt động với cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý đã được đề ra. Công ty sẽ xem xét và cân nhắc cải tiến khi cần thiết để có thể duy trì, phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả và khoa học.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh 2017

Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2017	Tỷ lệ % 2017/2016
Tổng doanh thu	Triệu đồng	330.000	350.000	106,06%
<i>Doanh thu sản xuất</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>268.135</i>	<i>280.000</i>	<i>104,43%</i>
Các khoản nộp NSNN	Triệu đồng	7.000	6.000	85,71%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	10.000	11.000	110,00%
Thu nhập bình quân của NLĐ	Nghìn đồng	7.900	8.000	101,27%
Trả cổ tức	%/VĐL	Dự kiến 17%	16%	-

Dự báo trong năm 2017 công ty còn gặp nhiều khó khăn do tác động từ bên ngoài, nhưng với định hướng đúng đắn của HĐQT, sự quản lý và điều hành linh hoạt của Ban Tổng Giám đốc cùng với sự nỗ lực quyết tâm của toàn thể CBNV sẽ vượt qua khó khăn thử thách để hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2017 với hiệu quả cao nhất.

Với kế hoạch trên, Công ty phấn đấu doanh thu đạt 350 tỷ đồng, trong đó hàng Công ty sản xuất đạt 280 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế phấn đấu đạt 11 tỷ đồng; các khoản nộp ngân sách thực hiện theo Luật thuế; thu nhập bình quân người lao động phấn đấu đạt 8 triệu đồng/người/tháng.

CÁC BIỆN PHÁP CỤ THỂ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CỦA CÔNG TY TRONG THỜI GIAN TỚI NHƯ SAU:

- ✓ Tập trung củng cố và phát triển nguồn nhân lực ổn định nhằm đáp ứng nhu cầu của công ty cũng như phục vụ cho nhà máy sản xuất thuốc từ dược liệu.
- ✓ Củng cố, mở rộng và phát triển mạng lưới phân phối, duy trì các Trung tâm dược phẩm, nhà thuốc đạt tiêu chuẩn GDP, GPP theo quy định của ngành Y tế.
- ✓ Củng cố, nâng cao hoạt động quảng bá, giới thiệu sản phẩm mới, xây dựng chương trình chăm sóc khách hàng, củng cố sự tăng trưởng nhóm sản phẩm chủ lực và tập trung tăng trưởng doanh số bán trên thị trường trong cả nước.
- ✓ Quản lý chặt về chi phí, tiết kiệm trong các hoạt động sản xuất kinh doanh để giảm chi phí đầu vào; sắp xếp, cải tiến hợp lý trong dây chuyền sản xuất để tăng năng suất lao động.
- ✓ Không ngừng cải tiến để nâng cao chất lượng, mẫu mã, nhóm sản phẩm chủ lực, các sản phẩm sản xuất từ dược liệu để phục vụ khối điều trị và thị trường trong cả nước.
- ✓ Đầu tư phát triển: Nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực sản xuất nhóm sản phẩm chủ lực công ty dự kiến đầu tư bổ sung một số máy móc thiết bị thiết yếu để phục vụ sản xuất, kiểm tra chất lượng sản phẩm. Tiếp tục đầu tư kinh phí để thử tương đương sinh học cho các sản phẩm chủ lực của công ty.
- ✓ Ngoài ra, Công ty đang hoàn thiện Nhà máy xuất thuốc từ dược liệu dự kiến hoàn thành vào quý II năm 2017, đi vào hoạt động quý III năm 2017.
- ✓ Giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty trên phương tiện thông tin đại chúng, đảm bảo tính minh bạch, công khai theo quy định của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, tiếp tục lựa chọn công ty kiểm toán có năng lực thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016, đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam Chi nhánh Cần Thơ đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính năm 2016 của CTCP Dược phẩm Tipharco, vì vậy Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- ✓ Đánh giá các mặt hoạt động của công ty
- ✓ Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- ✓ Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị



Trong năm, Hội Đồng Quản trị đã phối hợp tốt cùng với ban Tổng Giám đốc để định hướng trong việc điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty. Theo đó, Hội đồng quản trị cũng thường xuyên theo sát nhằm phân tích đánh giá, dự báo, tình hình triển khai, kế hoạch đầu tư kinh doanh từng quý để có biện pháp chỉ đạo kịp thời xử lý trong những trường hợp cần thiết.

Nhìn lại một năm hoạt động, kết quả về lợi nhuận sau thuế đã cho thấy sự tăng trưởng đáng kể so với năm 2015, công ty đã hoàn thành tốt vượt mức kế hoạch đã đề ra đến hơn 50%, đạt 8,65 tỷ đồng. Để có được kết quả hoạt động tích cực này, Ban lãnh đạo và toàn thể công nhân viên của Tipharco đã thực sự rất nỗ lực. Năm qua, sản phẩm của Công ty sản xuất được thị trường luôn tin tưởng đồng hành qua đó giúp sản lượng tiêu thụ thành phẩm của Tipharco luôn đạt mức tốt, tồn kho không cao.

Tình hình tài chính tại Công ty vẫn tốt, dòng tiền vẫn đảm bảo phục vụ hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Về công tác đầu tư, trong năm để nâng cao năng lực sản xuất Tipharco có gia tăng đầu tư thêm về máy móc, thiết bị sản xuất, thiết bị kiểm tra chất lượng. Bên cạnh đó, dự án xây dựng Nhà máy sản xuất thuốc từ dược liệu vẫn diễn ra đúng theo kế hoạch đã đề ra, dự kiến sẽ sớm đưa vào hoạt động trong quý III năm 2017. Các công tác thực hiện Công Bố thông tin được thực hiện nghiêm túc và đầy đủ đến Ủy Ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo quy định.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Hoạt động giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Ban điều hành được thực hiện theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Quy chế Quản trị Công ty và các quy định hiện hành.

Năm qua, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã luôn cố gắng phối hợp với Hội đồng quản trị để có thể đạt được sự đồng bộ, nhất quán trong các quyết định điều hành doanh nghiệp. Theo đó hoạt động sản xuất và kinh doanh được phẩm được duy trì ổn định, người lao động được đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định, các giá trị kinh tế ý nghĩa được tạo ra cho cổ đông khi Công ty đã dự kiến thực hiện chi trả cổ tức cao hơn nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đã giao phó, trong năm công ty cũng đã tuân thủ nghiêm chỉnh các nghĩa vụ về thuế đối với Nhà Nước. Các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc đã có một năm làm việc hoàn thành tốt kế hoạch đã đề ra, mong rằng kết quả này sẽ được tiếp tục duy trì và phát huy trong những năm tiếp theo.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đặc điểm tình hình hoạt động trong năm 2017

Cuối năm 2016 tình hình kinh tế trong nước tương đối ổn định, Công ty luôn được sự quan tâm hỗ trợ của lãnh đạo tỉnh, các ngành ở chức năng tạo điều kiện thuận lợi để công ty hoạt động và phát triển.

Giá cả nguyên vật liệu, bao bì cũng tăng, giảm thường xuyên làm ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh. Đặc biệt đối với ngành Dược hầu hết nguyên vật liệu, bao bì đều phải nhập khẩu, tỷ giá ngoại tệ biến động cũng ảnh hưởng đến sản xuất.

Từ ngày 01/01/2017 Nhà nước sẽ điều chỉnh lương tối thiểu vùng làm cho các khoản bảo hiểm tăng theo; lãi suất vay ngân hàng đang giảm và có chính sách ưu đãi. Song năm 2017 có thể doanh nghiệp trong nước sẽ gặp nhiều khó khăn hơn do tình hình chính trị, kinh tế thế giới dự kiến có nhiều biến động khó lường.

Tình hình cạnh tranh trong ngành sản xuất dược phẩm cũng còn gay gắt. Nhất là doanh nghiệp đầu tư của nước ngoài được bảo hộ, ưu đãi hơn. Trong khi trong nước chưa có chính sách ưu đãi cụ thể nào. Để được đứng vững và phát triển thì các doanh nghiệp tự định hướng, cải cách, trong quản lý điều hành cho phù hợp với từng thời kỳ. Trước hết là chi phí tiền lương, các khoản bảo hiểm làm cho chi phí đều tăng cũng làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp trong nước.



Định hướng hoạt động và phát triển

Duy trì các cuộc họp định kỳ của HĐQT theo quy định của Điều lệ công ty, nâng cao chất lượng các cuộc họp, xây dựng chiến lược phát triển của công ty phù hợp với tình hình thực tế của công ty, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và khu vực.

Tiếp tục theo dõi, đánh giá việc thực hiện các dự án xây dựng nhà máy sản xuất từ dược liệu, đảm bảo đúng với tiến độ dự kiến, từ đó có thể triển khai xuyên suốt hoạt động sản xuất kinh doanh.

Duy trì và tăng cường cải thiện chất lượng sản phẩm, ứng dụng các phần mềm quản lý nhằm nâng cao năng lực quản lý và điều hành đảm bảo mục tiêu nâng cao doanh thu và lợi nhuận hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2017 và các năm tiếp theo, thực hiện tốt công tác an sinh xã hội.

Tiết kiệm tối đa chi phí hoạt động, nhằm gia tăng doanh thu, tăng lợi nhuận, nâng cao hiệu quả của việc sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu.

Giám sát việc thực hiện công bố thông tin công khai theo quy định của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, tiếp tục lựa chọn Công ty trên phương tiện thông tin đại chúng, đảm bảo tính minh bạch, công ty kiểm toán có năng lực thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017.



**BÁO CÁO PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG**



THUẬT NGỮ “PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG”

Xuất hiện đầu tiên vào năm 1980 trong ấn phẩm “Chiến lược bảo tồn Thế giới” (công bố bởi hiệp hội bảo tồn thiên nhiên và Tài nguyên thiên nhiên quốc tế-IUCN) với nội dung rất đơn giản “ sự phát triển của nhân loại không thể chỉ chú trọng tới phát triển kinh tế mà còn phải tôn trọng những nhu cầu tất yếu của xã hội và sự tác động đến môi trường sinh thái học”.

Giá trị kinh tế mang lại

Một doanh nghiệp về cơ bản cần đạt được mục tiêu kinh tế của mình để đảm bảo quyền lợi cho cổ đông và tạo công việc ổn định cho người lao động và đóng góp cho ngân sách nhà nước. Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco hoạt động với nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật. Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả, cùng phân chia lợi nhuận, cùng chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ về tài chính khác của công ty trong phạm vi số vốn mình đã góp vào công ty. Tạo công việc ổn định cho người lao động, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, góp phần tăng thu ngân sách tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế Tỉnh Tiền Giang và cả nước.

328,65

TỶ ĐỒNG DOANH THU THUẦN

8,65

TỶ ĐỒNG LỢI NHUẬN SAU THUẾ

4,127

TỶ ĐỒNG

**TỔNG KHOẢN NỘP
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

7,9 TRIỆU ĐỒNG

**MỨC LƯƠNG BÌNH QUÂN
NGƯỜI LAO ĐỘNG 2016**

Ngay từ thời điểm thành lập cho đến nay, Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco luôn cố gắng thực hiện các mục tiêu đã đề ra. Những năm gần đây, Công ty luôn hoàn thành tốt các kế hoạch, Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty luôn đồng lòng cùng nhau hoạt động vì mục tiêu kinh tế chung đã được Đại hội đồng cổ đông và hội đồng quản trị giao phó nhờ đó góp phần tạo công việc ổn định cho người lao động, lợi ích kinh tế cho cổ đông, đóng góp đáng kể vào ngân sách Nhà nước.



Hành động với môi trường

Thu gom rác thải, chất thải nhiên liệu

Giấy và các loại văn phòng phẩm khác nhau tại khu vực văn phòng không có khả năng tái sử dụng được thu gom riêng để đơn vị xử lý rác thải dễ dàng phân loại.

Các bao bì, hộp, vỉ thuốc hay các dụng cụ y tế sau khi đã sử dụng được công ty liên kết với những nơi chứa rác thải phân loại rác và có những biện pháp tái chế thích hợp để bảo vệ môi trường cũng như tiết kiệm nguồn tài nguyên.

Trong thời gian tới công ty có kế hoạch là sẽ tiến hành phân loại rác ngay từ đầu, bố trí các thùng chứa các loại rác khác nhau tại các bệnh viện hay tại nơi khám chữa bệnh. Tuyên truyền, phổ biến các biện pháp đến nhà phân phối và các đại lý như đặt các poster tại các đại lý thuốc tây hay tuyên truyền rộng rãi cho cộng đồng bằng nhiều phương pháp. Vấn đề có thể mất rất nhiều thời gian và đòi hỏi một chiến lược mang tính lâu dài, bền bỉ để thực hiện thành công, tuy nhiên công ty sẽ kiên trì thực hiện.

Tiết kiệm điện, nước

Tuyên truyền vận động toàn thể người lao động trong Công ty có ý thức về việc sử dụng tiết kiệm điện và nguồn nước, điều này vừa góp phần vào công tác thực hiện kế hoạch phát triển bền vững, vừa tiết kiệm được chi phí hoạt động cho doanh nghiệp.

Cuối cùng khi xây dựng kế hoạch hoạt động kinh doanh, Tipharco luôn chú ý để có thể sử dụng điều độ và hợp lý các nguồn năng lượng này góp phần vào việc sử dụng có hiệu quả tài nguyên quốc gia. Công ty chưa từng bị xử phạt do vi phạm các quy định về môi trường.

Môi trường và năng lượng

Hoạt động chính của Tipharco là sản xuất thuốc, nhưng bên cạnh đó là bao bì, các sản phẩm từ nhựa để đóng gói, vận chuyển sản phẩm, khó tái chế sau khi sử dụng nên công ty đã có những biện pháp để giảm thiểu tác động.

Tiếng ồn và độ rung

Hoạt động của máy móc thiết bị tại các dây chuyền sản xuất thuốc của công ty đã hiện đại hóa hầu hết các máy nên tác động do tiếng ồn đã giảm đáng kể. Do đó tiếng ồn cũng không ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động. Dự kiến trong năm tới, công ty sẽ tăng cường bảo trì thiết bị, thiết lập thêm các bộ phận giảm âm, chống rung.

Các chính sách phòng chống ô nhiễm, rủi ro môi trường

- Nhận diện các rủi ro về an toàn môi trường có thể xảy ra bất cứ khi nào nên công ty đưa các biện pháp ứng phó và chương trình đào tạo. Cụ thể trong năm, công ty đã thực hiện kết hợp với PCCC và tự diễn tập về các tình huống khẩn cấp.
- Tiến hành kiểm định môi trường xung quanh và trong khu sản xuất 2 lần/năm; đo lường chất thải với tần suất 3 tháng/ lần để có những biện pháp xử lý kịp thời nhằm đảm bảo môi trường sạch đẹp.
- Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Toàn bộ rác thải, chất thải, khí thải, tiếng ồn của công ty đều đạt yêu cầu về kiểm tra của các cơ quan môi trường có liên quan.



Đối với người lao động, đối tác, xã hội và cộng đồng

Đối với người lao động

Tiếp tục phát huy những cam kết về điều kiện làm việc an toàn và được chăm sóc sức khỏe, phát triển đội ngũ đa dạng, tôn trọng sự khác biệt, không phân biệt đối xử, đảm bảo các quyền lợi pháp luật qui định. Trong năm 2016, Tipharco có những chương trình đào tạo kỹ năng quản lý, quản trị bản thân, văn hóa sống có trách nhiệm. Đội ngũ lãnh đạo và nhân viên của công ty đã được trang bị những hành trang quý báu trong việc phát triển bản thân, cải thiện môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động trong công cuộc phát triển bền vững.

Mức lương trung bình của công ty trong năm qua là 7,9 triệu đồng đã tăng đến 43,64% so với năm trước và sẽ tăng thêm tùy vào năng lực làm việc và sự cống hiến đối với kết quả hoạt động của Công ty. Trong năm, công ty có tổ chức các chuyến đi du lịch, hoạt động dã ngoại để tạo tâm lý thoải mái, gắn kết nhân viên với nhau trong công ty. Bên cạnh đó, vấn đề liên quan đến sức khỏe của người lao động cũng được công ty đặt lên hàng đầu, toàn bộ nhân viên và người lao động trong năm qua đều được tạo điều kiện khám sức khỏe định kỳ.

Về mặt phát triển nguồn nhân lực, hàng năm công ty vẫn xây dựng kế hoạch nhân sự, không ngừng tìm kiếm và chiêu mộ những lao động có tay nghề và trình độ trong lĩnh vực công ty đang hoạt động nhằm bổ sung, phát triển kịp thời nhu cầu nhân sự cho việc thực hiện các định hướng, chiến lược kinh doanh của Hội đồng quản trị, hơn thế nữa là tạo nhiều cơ hội để Tipharco có thể tìm kiếm được nguồn nhân lực kế cận cho tương lai.





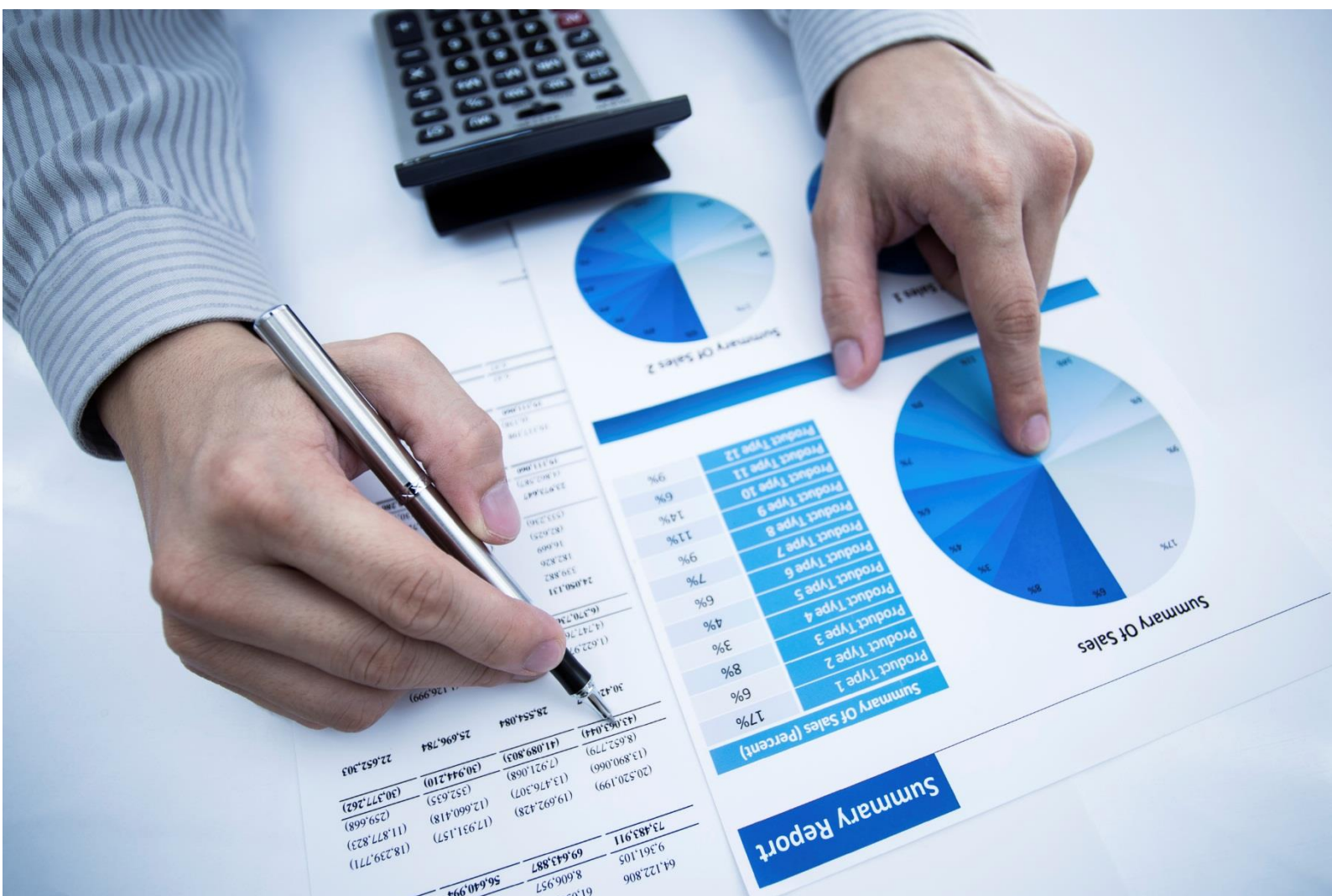
Đôi với các đối tác

Công ty luôn trân trọng niềm tin mà các Đối tác và Người tiêu dùng đã gửi gắm khi Quý vị luôn tin tưởng và ủng hộ các sản phẩm được Tipharco sản xuất. Sức khỏe và sự an toàn của sản phẩm là vấn đề cốt yếu mà Công ty luôn hướng đến trong quá trình sản xuất kinh doanh. Trong năm qua, với các dự án xây dựng thêm những nhà máy sản xuất dược và các máy móc thiết bị, công ty đang nỗ lực để có thể đưa ra thị trường nhiều hơn nữa những sản phẩm có giá trị và công dụng tốt, qua đó đồng hành cùng các đại lý trong quá trình tiêu thụ sản phẩm với các chính sách chiết khấu công bằng, phù hợp đối với sự tin tưởng ủng hộ dành cho sản phẩm của Tipharco.

Đôi với cộng đồng

Trong những năm qua, công ty đã tham gia rất nhiều hoạt động cộng đồng thiết thực, chung tay cùng tỉnh nhà và các tổ chức khác giúp đỡ những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn như ủng hộ quyên góp tiền cho người nghèo ở địa phương, đóng góp ủng hộ người gặp lũ lụt ở miền Trung. Ủng hộ kinh phí khám và chữa bệnh cho người nghèo ở miền nông thôn. Tổ chức các chương trình từ thiện hỗ trợ phần nào về vật chất lẫn tinh thần cho bà con, những người nghèo, người có hoàn cảnh neo đơn một phần nào đó có thể đón Tết một cách đầy đủ, trọn vẹn niềm vui.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO

Số 15 đường Đốc Binh Kiều, phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

1. Công ty

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Tipharco được thành lập theo Giấy phép đăng ký doanh nghiệp số 1200100557 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 02 năm 2006, và đăng ký thay đổi lần thứ mười ba vào ngày 09 tháng 12 năm 2016 do Sở Kế hoạch Và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Số 15 đường Đốc Binh Kiều, phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
- Điện thoại : 073 3871817
- Fax : 073 3885040

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoạt động kinh doanh của Công ty: sản xuất, kinh doanh dược phẩm, vật tư y tế, mỹ phẩm; các loại nước giải khát, nước uống đóng chai, thực phẩm chức năng; kinh doanh nhập khẩu và xuất khẩu nguyên liệu, hóa chất, dược phẩm, vật tư y tế; gia công.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Quang Bình	Chủ tịch	
Ông Phạm Trung Nghĩa	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Tám	Thành viên	
Bà Huỳnh Thị Nguyên Thủy	Thành viên	
Bà Trần Thị Tám	Thành viên	
Ông Lê Văn Châu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 08 tháng 06 năm 2016

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Bà Dương Thị Thúy Liễu	Trưởng ban
Ông Trần Hoàng Quân	Thành viên
Bà Trần Thị Thu Vân	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phạm Quang Bình	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Tám	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Châu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đặng Thị Xuân Quyên	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện pháp luật.

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phạm Quang Bình	Tổng Giám đốc

195-2
 CÔNG TY
 PHÁP NHÂN
 TIỀN GIANG
 NHẢY
 ĐỔ
 G-TT

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



PHẠM QUANG BÌNH

Chủ tịch

Tiền Giang, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Số: 044/2017/BCKT-CT.00007

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2017, từ trang 4 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro cơ sở sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



TRANG ĐẮC NHA
Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2111-2013-009-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM – CHI NHÁNH CẦN THƠ
Thành phố Cần Thơ, ngày 30 tháng 03 năm 2017

LÊ THANH VŨ
Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2734-2013-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO

Địa chỉ: Số 15 đường Đốc Bình Kiều, phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2016	01/01/2016
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		142.360.628.073	130.330.920.783
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	17.714.007.304	30.439.556.281
Tiền	111		17.714.007.304	30.439.556.281
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		71.848.815.925	56.790.737.962
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	62.954.200.852	57.078.563.789
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	11.521.287.388	1.042.275.469
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	515.525.935	521.985.058
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(3.142.198.250)	(1.852.086.354)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140	5.6	52.127.691.133	43.100.626.540
Hàng tồn kho	141		52.127.691.133	43.100.626.540
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		670.113.711	-
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		670.113.711	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		53.436.512.272	47.690.337.914
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	256.220.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	256.220.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		42.534.963.929	43.700.115.286
Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	30.138.457.128	31.026.854.314
Nguyên giá	222		70.706.536.842	66.063.431.023
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(40.568.079.714)	(35.036.576.709)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.8	1.383.770.864	1.660.525.035
Nguyên giá	225		2.321.510.727	2.321.510.727
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(937.739.863)	(660.985.692)
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	11.012.735.937	11.012.735.937
Nguyên giá	228		11.012.735.937	11.012.735.937
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		9.898.794.950	1.548.995.781
Chi phí sản xuất, KD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	9.898.794.950	1.548.995.781
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		1.002.753.393	2.185.006.847
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	632.336.122	1.814.589.576
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		370.417.271	370.417.271
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		195.797.140.345	178.021.258.697

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

		Đơn vị tính: VND		
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ				
Nợ ngắn hạn				
	300		128.939.328.863	130.124.067.547
Phải trả người bán ngắn hạn	310		112.748.095.470	124.887.888.995
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	52.615.798.157	35.984.135.166
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	3.634.879.149	2.946.990.387
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	1.950.454.770	1.595.937.137
Phải trả người lao động	314		13.669.699.769	4.304.185.779
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	279.765.622	-
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	495.876.115	681.149.892
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17.1	36.259.454.132	77.764.330.150
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.18	3.842.167.756	1.611.160.484
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn				
	330		16.191.233.393	5.236.178.552
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17.2	15.191.233.393	5.236.178.552
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.000.000.000	-

1489
 CÔNG
 H NHIE
 KIEM,
 C VII
 CHI N
 CAN
 ANG

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO

Địa chỉ: Số 15 đường Đốc Bình Kiều, phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

		Đơn vị tính: VND		
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU				
Vốn chủ sở hữu				
Vốn góp của chủ sở hữu	410	5.19	66.857.811.482	47.897.191.150
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411		33.982.500.000	23.250.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411a		33.982.500.000	23.250.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	411b		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	412		16.128.000.000	7.050.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	418		14.089.668.510	13.232.776.850
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421		2.657.642.972	4.364.414.300
- LNST chưa phân phối kỳ này	421a		-	20.022.640
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421b		2.657.642.972	4.344.391.660
422			-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác				
Nguồn kinh phí	430		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	431		-	-
432			-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN				
			195.797.140.345	178.021.258.697



TRẦN HOÀI PHƯƠNG
Người lập biểu



LÊ THỊ MỸ TIÊN
Kế toán trưởng



PHẠM QUANG BÌNH
Tổng Giám đốc

Tiền Giang, ngày 30 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO

Địa chỉ: Số 15 đường Đốc Bình Kiều, phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	2016	2015
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1.1	329.378.220.054	305.866.150.568
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1.3	727.471.953	2.098.703.806
Doanh thu thuần	10		328.650.748.101	303.767.446.762
Giá vốn hàng bán	11	6.2	255.746.265.870	254.308.224.840
Lợi nhuận gộp	20		72.904.482.231	49.459.221.922
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	210.046.426	179.962.051
Chi phí tài chính	22	6.4	5.330.655.484	6.100.679.670
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		4.874.722.892	5.815.119.878
Chi phí bán hàng	25	6.5	27.676.616.929	21.014.222.695
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	30.137.597.356	15.904.519.885
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.969.658.888	6.619.761.723
Thu nhập khác	31	6.7	869.452.699	704.906.366
Chi phí khác	32	6.8	10.520.391	124.434.143
Lợi nhuận khác	40		858.932.308	580.472.223
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.828.591.196	7.200.233.946
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.14	2.181.142.317	1.858.040.150
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	(370.417.271)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.647.448.879	5.712.611.067
Lỗi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	2.287	2.193



TRẦN HOÀI PHƯƠNG
Người lập biểu



LÊ THỊ MỸ TIÊN
Kế toán trưởng



PHẠM QUANG BÌNH
Tổng Giám đốc

Tiền Giang, ngày 30 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO

Địa chỉ: Số 15 đường Đốc Bình Kiều, phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	2016	2015
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		10.828.591.196	7.200.233.946
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		5.808.257.176	4.079.867.132
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập)	03		1.290.111.896	858.609.577
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		222.512.250	51.055.500
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(84.143.426)	(133.641.515)
Chi phí lãi vay	06		4.874.722.892	5.815.119.878
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		22.940.051.984	17.871.244.518
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(16.762.083.570)	(949.489.392)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(9.027.064.593)	8.947.673.505
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		26.401.239.614	(1.453.985.834)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.182.253.454	336.113.108
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(4.874.722.892)	(5.815.119.878)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.907.039.960)	(1.512.969.112)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(737.524.275)	(809.565.425)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		17.215.109.762	16.613.901.490
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(11.772.904.988)	(15.170.464.899)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	43.636.364
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(4.180.000.000)	(4.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		4.180.000.000	4.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		84.143.426	90.005.151
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11.688.761.562)	(15.036.823.384)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO

Địa chỉ: Số 15 đường Đốc Bình Kiều, phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	2016	2015
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		19.810.500.000	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	213.464.451.076	172.541.801.055
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(244.628.833.673)	(170.077.137.012)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(385.438.580)	(733.906.427)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.512.576.000)	(718.164.607)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(18.251.897.177)	1.012.593.009
Lưu chuyển tiền thuần trong năm				
Tiền và tương đương tiền đầu năm	50		(12.725.548.977)	2.589.671.115
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	60		30.439.556.281	27.849.885.166
Tiền và tương đương tiền cuối năm	61		-	-
	70	5.1	17.714.007.304	30.439.556.281



TRẦN HOÀI PHƯƠNG
Người lập biểu



LÊ THỊ MỸ TIÊN
Kê toán trưởng



PHẠM QUANG BÌNH
Tổng Giám đốc

Tiền Giang, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Tipharco (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy phép đăng ký doanh nghiệp số 1200100557 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 02 năm 2006, và đăng ký thay đổi lần thứ mười ba vào ngày 09 tháng 12 năm 2016 do Sở Kế hoạch Và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thuốc dược phẩm.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoạt động kinh doanh của Công ty sản xuất, kinh doanh dược phẩm, vật tư y tế, mỹ phẩm; các loại nước giải khát, nước uống đóng chai, thực phẩm chức năng; kinh doanh nhập khẩu và xuất khẩu nguyên liệu, hóa chất, dược phẩm, vật tư y tế; gia công.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước

1.6 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tổng số nhân viên của Công ty là 302 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 279 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản ngoại tệ vay ngân hàng: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

JAAR
CỔ
ẢNH
KIỂM
KẾ
TÍNH
C
D

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc thấp hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường còn dở dang.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng-giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 3 năm.

95-0
CÔNG TY
TÍNH HỮU
TOÁN
VIỆT
NHẬP
N THC
3-TP

Chi phí khác chờ phân bổ

Chi phí khác chờ phân bổ phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 3 năm.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định. Những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 50 năm
Máy móc thiết bị	6 - 12 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 12 năm

4.8 Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích là 8 năm.

4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

12-C
HẠN
AM
H
CÁN

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Quyền sử dụng đất có thời hạn chưa đưa vào sử dụng nên chưa khấu hao
Quyền sử dụng đất vô thời hạn – không khấu hao

Công ty sở hữu QSDĐ số CT04079 do UBND tỉnh Tiền Giang cấp ngày 02 tháng 11 năm 2015 tại thửa đất số 127, tờ bản đồ số 11, diện tích 12.189,6m², địa chỉ tại Cụm công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, khu phố 04, phường 09, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2016

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

4.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu

Doanh thu hoạt động dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu là phí ủy thác Công ty được hưởng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

4.15 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2016

chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.17 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.18 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm: tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

LÀM
CỘ
CHÍNH
KIỂM
C V
CHI
CÍ
ĐẢN

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm: các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.19 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Tên đối tượng	Quan hệ
Công ty TNHH Dược Phẩm Thiên Khánh	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Dược Phẩm Đại Việt Á	Cổ đông lớn
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Thành viên quản lý chủ chốt

5-C
CÔNG TY
NHỮ
TOÁN
TÀI CHÍNH
NHÀ
NH
3-T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2016

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	5.212.571.325	2.478.785.398
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - VND	12.501.435.979	27.960.770.883
	17.714.007.304	30.439.556.281

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH Dược Phẩm Thiên Khánh	3.670.324.260	2.591.019.186
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>		
Công ty Cổ phần Dược Phẩm Thương Mại Và Đầu Tư Âu Lạc	8.000.243.489	9.750.864.578
Các khách hàng khác	51.283.633.103	44.736.680.025
	62.954.200.852	57.078.563.789

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<i>Trả trước cho người bán khác</i>		
Công ty TNHH Máy Dược Phẩm T&T	1.197.625.000	-
Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Thế Vũ	5.755.004.994	-
Công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Quang Tùng	974.961.824	793.758.834
Viện kiểm nghiệm thuốc Trung ương	200.000.000	240.000.000
Các nhà cung cấp khác	3.393.695.570	8.516.635
	11.521.287.388	1.042.275.469

5.4 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Phải thu ký quỹ, ký cược ngắn hạn	515.525.935	-	341.007.117	-
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	-	-	143.071.708	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	-	-	37.906.233	-
	515.525.935	-	521.985.058	-

5.5 Nợ xấu

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu bán hàng	4.535.347.438	1.393.149.188	2.051.321.402	199.235.048

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Nợ phải thu bán hàng VND
Tại ngày 01/01/2016	(1.852.086.354)
Trích lập dự phòng trong năm	(1.290.111.896)
Tại ngày 31/12/2016	(3.142.198.250)

5.6 Hàng tồn kho

	<u>31/12/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	25.359.701.146	-	19.686.451.271	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.475.214.409	-	544.883.917	-
Thành phẩm	17.405.662.972	-	14.642.715.364	-
Hàng hóa	3.552.436.631	-	4.606.137.639	-
Hàng gửi đi bán	3.334.675.975	-	3.620.438.349	-
	52.127.691.133	-	43.100.626.540	-

5.7 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Vào ngày 01/01/2016	14.705.715.306	38.318.384.815	13.039.330.902	66.063.431.023
Mua sắm trong năm	-	4.643.105.819	-	4.643.105.819
Vào ngày 31/12/2016	14.705.715.306	42.961.490.634	13.039.330.902	70.706.536.842
Giá trị hao mòn lũy kế				
Vào ngày 01/01/2016	5.623.388.327	19.782.253.198	9.630.935.184	35.036.576.709
Khấu hao trong năm	303.881.575	4.573.232.284	654.389.146	5.531.503.005
Vào ngày 31/12/2016	5.927.269.902	24.355.485.482	10.285.324.330	40.568.079.714
Giá trị còn lại				
Vào ngày 01/01/2016	9.082.326.979	18.536.131.617	3.408.395.718	31.026.854.314
Vào ngày 31/12/2016	8.778.445.404	18.606.005.152	2.754.006.572	30.138.457.128
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng				
Vào ngày 01/01/2016	674.352.727	13.004.081.995	2.905.853.837	16.584.288.559
Vào ngày 31/12/2016	705.215.172	21.389.403.072	12.687.314.538	34.781.932.782
Giá trị còn lại tài sản cố định hữu hình được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay:				
Vào ngày 01/01/2016	1.593.341.400	17.796.750.543	3.408.395.714	22.798.487.657
Vào ngày 31/12/2016	1.520.418.481	18.399.431.149	2.754.006.569	22.673.856.199

5.8 Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị VND
Nguyên giá	
Vào ngày 01/01/2016	2.321.510.727
Mua trong năm	-
Vào ngày 31/12/2016	<u>2.321.510.727</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Vào ngày 01/01/2016	660.985.692
Khấu hao trong năm	276.754.171
Vào ngày 31/12/2016	<u>937.739.863</u>
Giá trị còn lại	
Vào ngày 01/01/2016	1.660.525.035
Vào ngày 31/12/2016	<u>1.383.770.864</u>

Công ty thuê thiết bị sản xuất theo hợp đồng thuê tài chính số 2014-00078-000 ngày 29 tháng 07 năm 2014 với thời hạn thuê tài chính là 3 năm. Đến cuối giai đoạn thuê của hợp đồng thuê, Công ty có quyền lựa chọn mua lại những thiết bị này với giá 23.215.107 VND (tương ứng 1% giá thuê). Thiết bị thuê được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền.

5.9 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá	
Vào ngày 01/01/2016	11.012.735.937
Mua sắm trong năm	-
Vào ngày 31/12/2016	<u>11.012.735.937</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Vào ngày 01/01/2016	-
Khấu hao trong năm	-
Vào ngày 31/12/2016	-
Giá trị còn lại	
Vào ngày 01/01/2016	11.012.735.937
Vào ngày 31/12/2016	<u>11.012.735.937</u>

Giá trị còn lại tài sản cố định vô hình được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay:

Vào ngày 01/01/2016	550.000.000
Vào ngày 31/12/2016	<u>550.000.000</u>

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2016	Chi phí phát sinh trong năm	31/12/2016
	VND	VND	VND
Xây dựng nhà xưởng mới	1.548.995.781	8.349.799.169	9.898.794.950

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.11 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	11.720.135	47.421.791
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	99.826.327	546.268.741
Chi phí thử tương đương sinh học	520.789.660	1.220.899.044
	632.336.122	1.814.589.576

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH Dược phẩm Thiên Khánh	1.304.591.379	48.840.000
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>		
Nectar Lifesciences Ltd	14.357.700.000	-
Công ty Cipla Ltd India	-	5.387.060.000
Công ty Meyer (B.H.C)	-	5.318.969.230
Các nhà cung cấp khác	36.953.506.778	25.229.265.936
	52.615.798.157	35.984.135.166

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH Dược phẩm Thiên Khánh	142.105.000	147.065.000
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		
Công ty Cổ phần Quốc Tế Thiên Nghi	32.520.000	603.769.555
Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Anpha	1.657.073.270	425.387.291
Công ty TNHH Thương mại Dược Phẩm Nhân Hòa	239.839.552	292.724.581
Các khách hàng khác	1.563.341.327	1.478.043.960
	3.634.879.149	2.946.990.387

5.14 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2016	Số phát sinh trong năm		31/12/2016
	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND
Thuế GTGT đầu ra	47.827.909	455.558.005	(503.385.914)	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	18.728.917	181.268.393	(138.922.560)	61.074.750
Thuế xuất, nhập khẩu	-	697.496.413	(697.496.413)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	897.323.149	2.181.142.317	(1.907.039.960)	1.171.425.506
Thuế thu nhập cá nhân	632.057.162	938.737.429	(852.840.077)	717.954.514
Tiền thuê đất	-	310.212.116	(310.212.116)	-
Các loại thuế khác	-	28.000.000	(28.000.000)	-
	1.595.937.137	4.792.414.673	(4.437.897.040)	1.950.454.770

Thuế giá trị gia tăng:

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng hàng tiêu thụ trong nước là 5% và 10%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành 20%

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải "TNDN" nộp trong năm được dự tính như sau:

	2016 VND	2015 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.828.591.196	7.200.233.946
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	77.120.391	2.048.520.497
Tổng thu nhập chịu thuế	10.905.711.587	9.248.754.443
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	22%
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	2.181.142.317	2.034.725.977
Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	-	(176.685.827)
Tổng thuế TNDN còn phải nộp	2.181.142.317	1.858.040.150

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Trích trước chi phí hội nghị khách hàng, trình duyệt viên	279.765.622	-

5.16 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>		
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	439.993.000	639.993.000
Phải trả tiền cổ tức	54.187.999	41.156.892
Kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu	1.695.116	-
	495.876.115	681.149.892

5.17 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn

5.17.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Ngân hàng BIDV – Lãi suất 6%/năm	4.164.018.502	4.164.018.502	49.999.977.609	49.999.977.609
Vay ngắn hạn nhân viên Công ty – Lãi suất 7%/năm	24.941.129.376	24.941.129.376	24.698.338.855	24.698.338.855
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	7.154.306.254	7.154.306.254	3.066.013.686	3.066.013.686
	36.259.454.132	36.259.454.132	77.764.330.150	77.764.330.150

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2016

Chi tiết phát sinh các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	01/01/2016	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngân hàng	49.999.977.609	177.810.612.076	-	(223.646.571.183)	4.164.018.502
Vay cá nhân	24.698.338.855	16.269.232.905	-	(16.026.442.384)	24.941.129.376
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	3.066.013.686	-	7.154.306.254	(3.066.013.686)	7.154.306.254
	77.764.330.150	194.079.844.981	7.154.306.254	(242.739.027.253)	36.259.454.132

5.17.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Ngân hàng BIDV – lãi suất 9,7%/năm	13.331.357.003	13.331.357.003	2.694.851.802	2.694.851.802
Ngân hàng An Bình – lãi suất 9,5%/năm	1.859.876.390	1.859.876.390	254.132.675	2.541.326.750
	15.191.233.393	15.191.233.393	5.236.178.552	5.236.178.552

Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại các ngân hàng được bảo đảm bằng toàn bộ giá trị tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình của Công ty (xem thuyết minh 5.7 và 5.9).

Kỳ thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm đến 5 năm
	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016			
Ngân hàng BIDV	19.667.079.257	6.335.722.254	13.331.357.003
Ngân hàng An Bình	2.678.460.390	818.584.000	1.859.876.390
	22.345.539.647	7.154.306.254	15.191.233.393
Tại ngày 31/12/2015			
Ngân hàng BIDV	4.582.951.802	1.888.100.000	2.694.851.802
Ngân hàng An Bình	3.330.522.750	789.196.000	2.541.326.750
Nợ thuê tài chính	388.717.686	388.717.686	-
	8.302.192.238	3.066.013.686	5.236.178.552

Chi tiết phát sinh các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong năm:

	01/01/2016	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển sang vay ngắn hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng BIDV	2.694.851.802	19.040.377.455	(6.335.722.254)	(2.068.150.000)	13.331.357.003
Ngân hàng An Bình	2.541.326.750	344.228.640	(818.584.000)	(207.095.000)	1.859.876.390
	5.236.178.552	19.384.606.095	(7.154.306.254)	(2.275.245.000)	15.191.233.393

5.18 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	2016 VND	2015 VND
Số dư ngày 01 tháng 01	1.611.160.484	60.051.801
Trích quỹ trong năm	2.968.531.547	2.360.674.108
Sử dụng quỹ trong năm	(737.524.275)	(809.565.425)
Số dư ngày 31 tháng 12	3.842.167.756	1.611.160.484

5.19 Vốn chủ sở hữu

5.19.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2015	15.000.000.000	-	12.229.038.174	2.715.659.349	29.944.697.523
Phát hành cổ phiếu	8.250.000.000	7.050.000.000	-	-	15.300.000.000
Lãi trong năm 2015	-	-	-	5.712.611.067	5.712.611.067
Trích lập các quỹ	-	-	1.003.738.676	(1.003.738.676)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.360.674.108)	(2.360.674.108)
Chia cổ tức	-	-	-	(705.133.500)	(705.133.500)
Tặng khác	-	-	-	5.690.168	5.690.168
Tại ngày 31/12/2015	23.250.000.000	7.050.000.000	13.232.776.850	4.364.414.300	47.897.191.150
Tại ngày 01/01/2016	23.250.000.000	7.050.000.000	13.232.776.850	4.364.414.300	47.897.191.150
Phát hành cổ phiếu	10.732.500.000	9.078.000.000	-	-	19.810.500.000
Lãi trong năm 2016	-	-	-	8.647.448.879	8.647.448.879
Trích lập quỹ	-	-	856.891.660	(856.891.660)	-
Chia cổ tức	-	-	-	(6.528.797.000)	(6.528.797.000)
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.968.531.547)	(2.968.531.547)
Tại ngày 31/12/2016	33.982.500.000	16.128.000.000	14.089.668.510	2.657.642.972	66.857.811.482

5.19.2 Chi tiết vốn góp của các cổ đông

	31/12/2016		01/01/2016	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Công ty TNHH Dược phẩm Thiên Khánh	9.156.000.000	26,94%	6.836.000.000	29,40%
Công ty TNHH Dược phẩm Đại Việt Á	7.800.000.000	22,95%	5.600.000.000	24,09%
Bà Huỳnh Thị Nguyên Thủy	8.106.190.000	23,85%	6.097.330.000	26,23%
Các cổ đông khác	8.920.310.000	26,26%	4.716.670.000	20,28%
	33.982.500.000	100%	23.250.000.000	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tình hình phát hành cổ phiếu tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo công văn chấp thuận đăng ký chào bán cổ phiếu số 6510/UBCK-QLCB ngày 27 tháng 09 năm 2016 và công văn số 6704/UBCK-QLCB ngày 05 tháng 10 năm 2016 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp, Công ty đăng ký chào bán 1.073.250 cổ phiếu có mệnh giá 10.000 VND, trong đó:

- Chào bán theo chương trình chọn lựa người lao động: 116.250 cổ phiếu với giá 14.000 VND/cổ phiếu.
- Chào bán cho cổ đông riêng lẻ: 957.000 cổ phiếu với giá 19.000 VND/cổ phiếu.

Tổng giá trị chào bán 1.073.250 cổ phiếu là 19.810.500.000 VND.

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 22-NQ/HĐQT ngày 13 tháng 07 năm 2016, Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty số 955/Tipharco ngày 07 tháng 11 năm 2016 và Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ số 956/Tipharco ngày 07 tháng 11 năm 2016, kết quả chào bán cổ phiếu của Công ty như sau:

	Cổ phiếu phân phối	Mệnh giá cổ phiếu	Giá bán cổ phiếu	Tổng giá trị	Trong đó	
					Giá trị cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần
	Cổ phiếu	VND/cổ phiếu	VND	VND	VND	VND
Theo chương trình chọn lựa người lao động	116.250	10.000	14.000	1.627.500.000	1.162.500.000	465.000.000
Các cổ đông riêng lẻ	957.000	10.000	19.000	18.183.000.000	9.570.000.000	8.613.000.000
	1.073.250			19.810.500.000	10.732.500.000	9.078.000.000

Tình hình biến động vốn đầu tư của chủ sở hữu

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	30.300.000.000	15.000.000.000
Trong đó:		
- Vốn góp của chủ sở hữu	23.250.000.000	15.000.000.000
- Thặng dư vốn cổ phần	7.050.000.000	-
Thay đổi vốn trong năm	19.810.500.000	15.300.000.000
Trong đó:		
- Vốn góp của chủ sở hữu	10.732.500.000	8.250.000.000
- Thặng dư vốn cổ phần	9.078.000.000	7.050.000.000
Số dư cuối năm	50.110.500.000	30.300.000.000
Trong đó:		
- Vốn góp của chủ sở hữu	33.982.500.000	23.250.000.000
- Thặng dư vốn cổ phần	16.128.000.000	7.050.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.19.3 Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.398.250	2.325.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	3.398.250	2.325.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	<u>3.398.250</u>	<u>2.325.000</u>
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	<u>-</u>	<u>-</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	3.398.250	2.325.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	<u>3.398.250</u>	<u>2.325.000</u>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND.

5.19.4 Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2015 theo Tờ trình 390-TTr/HĐQ ngày 13 tháng 04 năm 2016, được thông qua trong Nghị quyết số 18/NQ-ĐHCHĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco ngày ngày 08 tháng 06 năm 2016 như sau:

	VND
Chia cổ tức	6.528.797.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	856.891.660
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2016	2.968.531.547

5.20 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND	Nguyên nhân xóa sổ
Nợ khó đòi đã xử lý	789.062.944	789.062.944	Không thu hồi được

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2016

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

6.1.1 Tổng doanh thu

	2016 VND	2015 VND
Doanh thu từ bán hàng	329.378.220.054	305.774.382.134
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	91.768.434
	<u>329.378.220.054</u>	<u>305.866.150.568</u>

6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	2016 VND	2015 VND
Công ty TNHH Dược phẩm Thiên Khánh	40.483.931.234	33.387.035.072

6.1.3 Các khoản giảm trừ doanh thu

	2016 VND	2015 VND
Hàng bán bị trả lại	720.380.741	2.090.471.886
Giảm giá hàng bán	7.091.212	8.231.920
	<u>727.471.953</u>	<u>2.098.703.806</u>

6.2 Giá vốn hàng bán

	2016 VND	2015 VND
Giá vốn từ bán hàng	255.746.265.870	254.308.224.840

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2016 VND	2015 VND
Lãi tiền gửi	84.143.426	90.005.151
Lãi chênh lệch tỷ giá	125.903.000	89.956.900
	<u>210.046.426</u>	<u>179.962.051</u>

6.4 Chi phí tài chính

	2016 VND	2015 VND
Lãi tiền vay	4.874.722.892	5.815.014.270
Lỗ chênh lệch tỷ giá	233.420.342	234.609.900
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	222.512.250	51.055.500
	<u>5.330.655.484</u>	<u>6.100.679.670</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO
Số 15 đường Đốc Binh Kiều, phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2016

6.5 Chi phí bán hàng

	2016 VND	2015 VND
Chi phí lương nhân viên bán hàng	9.716.618.613	6.263.422.764
Chi phí trình dược viên	3.218.164.965	3.576.038.174
Chi phí bán hàng khác	14.741.833.351	11.174.761.757
	27.676.616.929	21.014.222.695

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016 VND	2015 VND
Chi phí lương nhân viên quản lý	13.962.437.349	7.199.416.851
Chi phí quản lý khác	16.175.160.007	8.705.103.034
	30.137.597.356	15.904.519.885

6.7 Thu nhập khác

	2016 VND	2015 VND
Tiền hỗ trợ bán hàng, chiết khấu được hưởng	397.967.321	265.188.517
Thu nhập khác	471.485.378	439.717.849
	869.452.699	704.906.366

6.8 Chi phí khác

	2016 VND	2015 VND
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	10.520.391	124.434.143

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.647.448.879	5.712.611.067
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(2.968.531.547)	(1.368.219.407)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.678.917.332	4.344.391.660
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	2.483.006	1.981.250
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.287	2.193

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	2016	2015
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	2.325.000	1.500.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 01 tháng 06 năm 2015	-	481.250
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 07 tháng 11 năm 2016	158.006	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.483.006	1.981.250

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	184.434.036.689	151.377.173.078
Chi phí nhân công	34.499.800.534	20.059.593.505
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.808.257.176	4.083.448.562
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.817.431.563	7.282.788.561
Chi phí khác	24.781.782.966	14.167.848.937
	262.341.308.928	196.970.852.643

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

7.1 Tiền thu từ đi vay

	2016 VND	2015 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	213.464.451.076	172.541.801.055

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	2016 VND	2015 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	244.628.833.673	170.077.137.012

8. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính. Ban Tổng Giám đốc xem xét, thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho các rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng trong tương lai bằng ngoại tệ.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

ii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng

cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2016			
Các khoản vay và nợ	36.259.454.132	15.191.233.393	51.450.687.525
Phải trả người bán bên liên quan	1.304.591.379	-	1.304.591.379
Phải trả người bán khác	51.311.206.778	-	51.311.206.778
Phải trả khác và chi phí phải trả	775.641.737	-	775.641.737
	89.650.894.026	15.191.233.393	104.842.127.419
Ngày 01 tháng 01 năm 2016			
Các khoản vay và nợ	77.764.330.150	5.236.178.552	83.000.508.702
Phải trả người bán bên liên quan	48.840.000	-	48.840.000
Phải trả người bán khác	35.935.295.166	-	35.935.295.166
Phải trả khác và chi phí phải trả	681.149.892	-	681.149.892
	114.429.615.208	5.236.178.552	119.665.793.760

Tài sản đảm bảo

Công ty đã dùng toàn bộ tài sản cố định của mình để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng tại ngày 31/12/2016 và 31/12/2015 (xem tại thuyết minh số 5.7 và 5.9).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31/12/2016 và 31/12/2015.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tài sản tài chính				
Phải thu khách hàng bên liên quan	3.670.324.260	2.591.019.186	3.670.324.260	2.591.019.186
Phải thu khách hàng khác	56.141.678.342	52.635.458.249	56.141.678.342	52.635.458.249
Các khoản phải thu khác	515.525.935	778.205.058	515.525.935	778.205.058
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
Tiền	17.714.007.304	30.439.556.281	17.714.007.304	30.439.556.281
	78.041.535.841	86.444.238.774	78.041.535.841	86.444.238.774
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	51.450.687.525	83.000.508.702	51.450.687.525	83.000.508.702
Phải trả người bán	52.615.798.157	35.984.135.166	52.615.798.157	35.984.135.166
Phải trả khác và chi phí phải trả	775.641.737	681.149.892	775.641.737	681.149.892
	104.842.127.419	119.665.793.760	104.842.127.419	119.665.793.760

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	2016 VND	2015 VND
Lương và thưởng	3.013.540.000	2.574.821.447

9.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

Công ty liên quan	Nội dung	2016 VND	2015 VND
Công ty TNHH Dược Phẩm Thiên Khánh	Bán hàng/dịch vụ	40.483.931.234	33.387.035.072
	Mua hàng/dịch vụ	6.550.198.618	14.282.178.361

Số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên có liên quan

Công ty liên quan	Nội dung	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty TNHH Dược Phẩm Thiên Khánh	Phải thu bán hàng	3.670.324.260	2.591.019.186
	Người mua trả trước	142.105.000	147.065.000
	Phải trả mua hàng	1.304.591.379	48.840.000

9.3 Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính chủ yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức, quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Chúng tôi không trình bày Báo cáo các bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là sản xuất và kinh doanh thuốc tân dược và ở khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

9.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

 TRẦN HOÀI PHƯƠNG Người lập biểu	 LÊ THỊ MỸ TIÊN Kế toán trưởng	  PHẠM QUANG BÌNH Tổng Giám đốc Tiền Giang, ngày 30 tháng 03 năm 2017
--	--	--



TIPHARCO

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC**



DS. PHẠM QUANG BÌNH